

Số: 5097/QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 26 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả kỳ thi tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận Hà Đông năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 29/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội năm 2019; Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 1 và Khoản I Phần B Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội;

Thực hiện Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 14/3/2019 của UBND quận Hà Đông về tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận Hà Đông năm 2019;

Xét đề nghị của Hội đồng thi tuyển viên chức giáo dục quận Hà Đông năm 2019 tại Báo cáo số 697/BC-HĐTT ngày 17/12/2019 và Văn bản số 3503/HĐTT ngày 25/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kỳ thi tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận Hà Đông năm 2019, như sau:

- Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng: 504

- Tổng số thí sinh đăng ký dự thi: 1028
- Tổng số thí sinh đủ điều kiện dự thi: 1026
- Tổng số thí sinh đủ điều kiện dự thi Vòng 2: 535
- Tổng số thí sinh trúng tuyển: 372

(Có Biểu 01 - Kết quả thi tuyển tại Vòng 2 và Biểu 02 - Danh sách trúng tuyển kèm theo)

Điều 2. Giao phòng Nội vụ quận hướng dẫn thí sinh trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng; tham mưu UBND quận quyết định tuyển dụng thí sinh trúng tuyển và hướng dẫn Hiệu trưởng các trường học ký hợp đồng làm việc với thí sinh trúng tuyển đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *afu*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Nội vụ thành phố Hà Nội;
- TT Quận ủy - HĐND quận;
- Chủ tịch, các PCT UBND quận;
- Các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- Cổng Thông tin điện tử quận;
- Lưu: VT, Hồ sơ tuyển dụng *afu*

9

CHỦ TỊCH



Vũ Ngọc Phụng

KẾT QUẢ THI TUYỂN TẠI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN HÀ ĐÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 5097/QĐ-UBND ngày 26 /12/2019 của Ủy ban nhân dân quận Hà Đông)

Cấp học: 0 - Mầm non; 1 - Tiểu học; 2 - THCS

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
1	1	1	HG0001	Trịnh Thị	Chinh	12/02/1998	Nữ	0	Ánh Dương	MN			81.5	81.5	Trúng tuyển	
2	2	1	HG0005	Nguyễn Thị	Quyên	10/04/1991	Nữ	0	Ánh Dương	MN			72.5	72.5	Trúng tuyển	
3	3	1	HG0006	Đỗ Thị Lệ	Thu	05/10/1996	Nữ	0	Ánh Dương	MN			73.5	73.5	Trúng tuyển	
4	4	1	HG0008	Vũ Thị Quỳnh	Trang	05/01/1994	Nữ	0	Ánh Dương	MN	CBB	5.0	80.5	85.5	Trúng tuyển	
5	5	1	HG0009	Đỗ Thị Lan	Anh	13/09/1993	Nữ	0	Bình Minh	MN			73.5	73.5	Trúng tuyển	
6	6	1	HG0011	Hoàng Thị	Hiệp	07/03/1983	Nữ	0	Bình Minh	MN			68.5	68.5	Trúng tuyển	
7	7	1	HG0012	Tạ Thu	Hoài	05/09/1996	Nữ	0	Bình Minh	MN			79	79.0	Trúng tuyển	
8	8	1	HG0013	Bùi Thị Kim	Hương	30/01/1993	Nữ	0	Bình Minh	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
9	9	1	HG0017	Nguyễn Thị	Quý	28/12/1992	Nữ	0	Bình Minh	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
10	10	1	HG0018	Nguyễn Ngọc Thu	Thào	05/02/1995	Nữ	0	Bình Minh	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
11	11	1	HG0019	Hoàng Thị	Thào	22/12/1981	Nữ	0	Bình Minh	MN			70	70.0	Trúng tuyển	
12	12	1	HG0021	Nguyễn Thị	Thương	22/03/1989	Nữ	0	Bình Minh	MN			86	86.0	Trúng tuyển	
13	13	1	HG0022	Nguyễn Thị Thanh	Vân	13/03/1992	Nữ	0	Bình Minh	MN			70.5	70.5	Trúng tuyển	
14	14	1	HG0024	Nguyễn Thúy	Hàng	24/11/1979	Nữ	0	Búp Sen Hồng	MN			75.5	75.5	Trúng tuyển	
15	15	1	HG0025	Nguyễn Phương	Linh	10/11/1996	Nữ	0	Búp Sen Hồng	MN			63	63.0	Trúng tuyển	
16	16	1	HG0033	Đặng Thị	Huyền	19/05/1996	Nữ	0	Dương Nội	MN			71.5	71.5	Trúng tuyển	
17	17	1	HG0034	Đặng Thị	Loan	27/04/1996	Nữ	0	Dương Nội	MN			60	60.0	Trúng tuyển	
18	18	1	HG0039	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	23/03/1987	Nữ	0	Dương Nội	MN			67	67.0	Trúng tuyển	
19	19	1	HG0040	Đoàn Thị Thu	Trang	16/06/1993	Nữ	0	Dương Nội	MN			68	68.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
20	20	1	HG0094	Nguyễn Thị Quỳnh	11/08/1991	Nữ	0	Hoa Mai	MN			61.5	61.5	Trúng tuyển	
21	21	1	HG0096	Vũ Thị Huyền	30/11/1989	Nữ	0	Họa My	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
22	22	1	HG0098	Nguyễn Thị Hồng	19/10/1992	Nữ	0	Hoàng Hanh	MN			63	63.0	Trúng tuyển	
23	23	1	HG0104	Nguyễn Thị Hương	01/08/1989	Nữ	0	Hương Sen	MN			80	80.0	Trúng tuyển	
24	24	1	HG0106	Trần Hà Phương	08/10/1995	Nữ	0	Hương Sen	MN			63	63.0	Trúng tuyển	
25	1	2	HG0052	Hoàng Thị Mai Anh	02/09/1991	Nữ	0	Hàng Đào	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
26	2	2	HG0054	Khuất Thị Thùy Dung	24/10/1998	Nữ	0	Hàng Đào	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
27	3	2	HG0055	Nguyễn Thị Hà	15/11/1997	Nữ	0	Hàng Đào	MN			82	82.0	Trúng tuyển	
28	4	2	HG0056	Hoàng Minh Hải	15/02/1977	Nữ	0	Hàng Đào	MN	CDCĐ	5.0	68	73.0	Trúng tuyển	
29	5	2	HG0063	Phạm Diệu Linh	28/02/1994	Nữ	0	Hàng Đào	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
30	6	2	HG0067	Nguyễn Thị Kim Mơ	24/07/1994	Nữ	0	Hàng Đào	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
31	7	2	HG0068	Đỗ Kim Ngân	06/02/1993	Nữ	0	Hàng Đào	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
32	8	2	HG0069	Nguyễn Bích Ngọc	31/01/1995	Nữ	0	Hàng Đào	MN			74	74.0	Trúng tuyển	
33	9	2	HG0073	Vũ Thị Nhung	10/02/1993	Nữ	0	Hàng Đào	MN			74	74.0	Trúng tuyển	
34	10	2	HG0076	Đào Thị Phương	20/08/1992	Nữ	0	Hàng Đào	MN			67	67.0		
35	11	2	HG0079	Nguyễn Thị Sao	11/12/1995	Nữ	0	Hàng Đào	MN			78	78.0	Trúng tuyển	
36	12	2	HG0082	Nguyễn Thị Thảo	15/12/1987	Nữ	0	Hàng Đào	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
37	13	2	HG0092	Nguyễn Thị Tú Uyên	13/10/1996	Nữ	0	Hàng Đào	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
38	14	2	HG0110	Phạm Tú Anh	02/05/1991	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN			73.5	73.5	Trúng tuyển	
39	15	2	HG0111	Nguyễn Thị Ngọc Anh	09/02/1997	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN			67.5	67.5	Trúng tuyển	
40	16	2	HG0112	Bùi Lan Anh	20/09/1990	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN			78.5	78.5	Trúng tuyển	
41	17	2	HG0114	Đặng Thị Chang	21/05/1994	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN			66	66.0		
42	18	2	HG0118	Lê Thị Hoa	29/09/1993	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN			68.5	68.5	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
43	19	2	HG0122	Đặng Thị	Huyền	17/05/1996	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		76.5	76.5	Trúng tuyển		
44	20	2	HG0123	Nguyễn Thị	Khuyên	10/09/1990	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		67.5	67.5	Trúng tuyển		
45	21	2	HG0127	Đỗ Thị	Nhung	13/03/1989	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		65	65.0			
46	22	2	HG0128	Nguyễn Thị	Quyên	18/12/1992	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		65	65.0			
47	23	2	HG0132	Ngô Thị	Thủy	22/06/1989	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		70	70.0	Trúng tuyển		
48	24	2	HG0133	Nguyễn Thị	Tú	23/09/1979	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		67	67.0	Trúng tuyển		
49	25	2	HG0134	Nguyễn Thị Mai	Vui	30/09/1987	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		55	55.0			
50	1	3	HG0138	Cao Thị	Phương	19/11/1996	Nữ	0	Kiến Hưng	MN		81	81.0	Trúng tuyển		
51	2	3	HG0139	Hoàng Thị Vân	Anh	12/02/1986	Nữ	0	Kim Đồng	MN	DTTS	5.0	75.75	80.8	Trúng tuyển	
52	3	3	HG0141	Nguyễn Thị	Khánh	12/05/1996	Nữ	0	Kim Đồng	MN		76.5	76.5			
53	4	3	HG0149	Nguyễn Thị	Huyền	26/10/1982	Nữ	0	La Dương	MN		66.25	66.3	Trúng tuyển		
54	5	3	HG0150	Nguyễn Thị	Ngân	11/12/1996	Nữ	0	La Dương	MN		78.5	78.5	Trúng tuyển		
55	6	3	HG0153	Hứa Thu	Hà	27/04/1981	Nữ	0	La Khê	MN		79.75	79.8	Trúng tuyển		
56	7	3	HG0157	Lê Thị	Ánh	15/08/1978	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		70.5	70.5	Trúng tuyển		
57	8	3	HG0160	Nguyễn Hồng	Diệp	23/03/1987	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		79.25	79.3	Trúng tuyển		
58	9	3	HG0162	Dương Thị Hồng	Hà	01/06/1997	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		73.75	73.8	Trúng tuyển		
59	10	3	HG0163	Lã Thị	Hà	12/07/1988	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN	CBB	5.0	74.75	79.8	Trúng tuyển	
60	11	3	HG0165	Đặng Thu	Hạ	03/07/1995	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		66.75	66.8	Trúng tuyển		
61	12	3	HG0170	Vũ Thị	Hiền	05/04/1989	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		68.75	68.8	Trúng tuyển		
62	13	3	HG0171	Nguyễn Thị	Hoàn	26/09/1996	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		74.25	74.3	Trúng tuyển		
63	14	3	HG0175	Nguyễn Thị	Lan	06/11/1994	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		79	79.0	Trúng tuyển		
64	15	3	HG0177	Nguyễn Thị Khánh	Linh	14/08/1998	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		79	79.0	Trúng tuyển		
65	16	3	HG0180	Nguyễn Thị Thúy	Nga	08/11/1987	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		79.75	79.8	Trúng tuyển		

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
66	17	3	HG0181	Ngô Thị	Ngọc	22/02/1995	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			80.5	80.5	Trúng tuyển	
67	18	3	HG0184	Lê Thị Tuyết	Nhung	12/10/1990	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			73.5	73.5	Trúng tuyển	
68	19	3	HG0188	Lê Thương	Thảo	10/08/1988	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			Bỏ thi			
69	20	3	HG0196	Nguyễn Thị	Thùy	28/09/1992	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			52	52.0	Trúng tuyển	
70	21	3	HG0199	Vũ Thị	Tươi	15/08/1986	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			79.5	79.5	Trúng tuyển	
71	22	3	HG0200	Bùi Thị	Tuyên	05/07/1990	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			78.5	78.5	Trúng tuyển	
72	1	4	HG0207	Phạm Phương	Anh	27/11/1998	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			55	55.0		
73	2	4	HG0208	Hoàng Ngọc	Anh	08/03/1997	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			68	68.0	Trúng tuyển	Xếp loại tốt nghiệp Khá, HKTT tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
74	3	4	HG0213	Nguyễn Thị	Giang	12/07/1988	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
75	4	4	HG0214	Phạm Thị	Hà	24/10/1985	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
76	5	4	HG0222	Hoàng Thị	Họa	21/04/1985	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
77	6	4	HG0232	Trịnh Thị	Hương	05/12/1983	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
78	7	4	HG0233	Ngô Thị	Huyền	28/09/1997	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
79	8	4	HG0240	Lê Thị Khánh	Linh	13/12/1996	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			66	66.0		
80	9	4	HG0241	Nguyễn Thị	Loan	10/12/1990	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
81	10	4	HG0249	Phan Thị	Mến	27/11/1996	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
82	11	4	HG0252	Nguyễn Thị	Mơ	26/02/1988	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
83	12	4	HG0254	Phạm Trà	My	03/11/1994	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
84	13	4	HG0266	Nguyễn Thị	Son	25/11/1993	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
85	14	4	HG0269	Nguyễn Thị Thanh	10/05/1993	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			61	61.0		
86	15	4	HG0272	Vũ Thị Thu	25/07/1993	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
87	16	4	HG0282	Hoàng Thị Thu	29/10/1989	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			67	67.0		
88	17	4	HG0285	Nguyễn Thị Tùng	25/02/1988	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			78	78.0	Trúng tuyển	
89	18	4	HG0288	Lê Thị Hải	05/02/1994	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			70	70.0	Trúng tuyển	
90	19	4	HG0289	Nguyễn Thị Vinh	20/10/1993	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
91	20	4	HG0290	Đặng Thu	03/07/1995	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
92	21	4	HG0292	Nguyễn Thị Xoa	12/03/1997	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			68	68.0		Xếp loại tốt nghiệp Khá, HKTT tại huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
93	22	4	HG0293	Nguyễn Ngọc Yến	01/10/1995	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
94	1	5	HG0296	Hoàng Thị Dung	02/08/1986	Nữ	0	Mậu Lương	MN			69	69.0	Trúng tuyển	
95	2	5	HG0298	Đào Thị Hồng	25/05/1997	Nữ	0	Mậu Lương	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
96	3	5	HG0304	Phan Thị Ánh Ngọc	05/10/1996	Nữ	0	Mậu Lương	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
97	4	5	HG0312	Ngô Thị Dịu	19/10/1994	Nữ	0	Nguyễn Trãi	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
98	5	5	HG0313	Đỗ Lệ Quyên	13/12/1986	Nữ	0	Nguyễn Trãi	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
99	6	5	HG0315	Nguyễn Thị Hiền	22/02/1996	Nữ	0	Phú La	MN			82	82.0	Trúng tuyển	
100	7	5	HG0317	Lê Thị Quỳnh Nga	25/09/1994	Nữ	0	Phú La	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
101	8	5	HG0320	Bùi Thu Trang	24/07/1990	Nữ	0	Phú La	MN			65	65.0	Trúng tuyển	
102	9	5	HG0322	Phạm Thị Thêu	24/05/1994	Nữ	0	Quang Trung	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
103	10	5	HG0324	Nguyễn Thị Tú Anh	30/07/1996	Nữ	0	Sen Hồng	MN			67.5	67.5	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
104	11	5	HG0326	Nguyễn Thị Thu	Hàng	23/06/1992	Nữ	0	Sen Hồng	MN			70	70.0	Trúng tuyển	
105	12	5	HG0327	Trần Thị	Hậu	27/08/1996	Nữ	0	Sen Hồng	MN			51	51.0	Trúng tuyển	
106	13	5	HG0335	Trần Thị Phương	Quế	27/07/1995	Nữ	0	Sen Hồng	MN			60.5	60.5	Trúng tuyển	
107	14	5	HG0339	Nguyễn Thị	Vy	10/07/1996	Nữ	0	Sen Hồng	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
108	15	5	HG0341	Phạm Thị	Quyên	12/10/1982	Nữ	0	Sơn Ca	MN			82	82.0	Trúng tuyển	
109	16	5	HG0342	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	08/04/1993	Nữ	0	Sơn Ca	MN			70.5	70.5	Trúng tuyển	
110	1	6	HG0344	Phạm Thị	An	28/12/1983	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			61.5	61.5	Trúng tuyển	
111	2	6	HG0347	Nguyễn Thị	Anh	14/03/1990	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			76.5	76.5	Trúng tuyển	
112	3	6	HG0349	Nguyễn Nam	Bắc	24/11/1997	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			62	62.0	Trúng tuyển	
113	4	6	HG0352	Nguyễn Thị	Duyên	23/09/1985	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			80.5	80.5	Trúng tuyển	
114	5	6	HG0360	Tạ Thị Thu	Hiền	02/05/1991	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			85.5	85.5	Trúng tuyển	
115	6	6	HG0362	Đặng Thị	Hoan	19/07/1996	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			68	68.0	Trúng tuyển	
116	7	6	HG0363	Vũ Thị	Hồng	15/05/1987	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			80.5	80.5	Trúng tuyển	
117	8	6	HG0364	Hoàng Thị Thu	Hương	13/10/1995	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
118	9	6	HG0365	Nguyễn Thị	Hương	10/01/1989	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			76	76.0	Trúng tuyển	
119	10	6	HG0372	Bùi Thị Thùy	Linh	28/10/1994	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			58.5	58.5	Trúng tuyển	
120	11	6	HG0373	Nguyễn Thị	Linh	15/04/1997	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			51	51.0	Trúng tuyển	
121	12	6	HG0377	Lê Tuyết	Mai	07/03/1995	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
122	13	6	HG0380	Nguyễn Thị	Nga	12/03/1991	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			71.5	71.5	Trúng tuyển	
123	14	6	HG0384	Nguyễn Thị	Nhị	06/07/1990	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			82.5	82.5	Trúng tuyển	
124	15	6	HG0390	Đỗ Thị	Thảo	20/02/1993	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
125	16	6	HG0391	Dư Thị	Thảo	27/02/1993	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			78.5	78.5	Trúng tuyển	
126	17	6	HG0394	Đỗ Thị	Thu	09/03/1997	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			82.5	82.5	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
127	18	6	HG0396	Lê Hồng	Thuy	07/12/1989	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
128	19	6	HG0399	Nguyễn Thị Kim	Trang	11/07/1995	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
129	20	6	HG0402	Văn Thị	Út	23/04/1992	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			67	67.0	Trúng tuyển	
130	21	6	HG0413	Bùi Thị	Thanh	06/02/1993	Nữ	0	Yên Nghĩa I	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
131	22	6	HG0414	Nguyễn Thị Trang	Thư	15/07/1992	Nữ	0	Yên Nghĩa I	MN			65	65.0	Trúng tuyển	
132	23	6	HG0416	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/06/1995	Nữ	0	Yết Kiêu	MN			69.5	69.5	Trúng tuyển	
133	1	7	HG0420	Văn Thị	Nga	08/03/1996	Nữ	1	An Hưng	GDTC			51	51.0	Trúng tuyển	
134	2	7	HG0423	Phan Trường	Giang	03/07/1991	Nam	1	Kiến Hưng	GDTC			82.5	82.5	Trúng tuyển	
135	3	7	HG0431	Nguyễn Mạnh	Linh	15/08/1986	Nam	1	Văn Khê	GDTC	CBB	5.0	63	68.0		
136	4	7	HG0432	Đỗ Hà	My	13/01/1994	Nữ	1	Văn Khê	GDTC			90	90.0	Trúng tuyển	
137	5	7	HG0439	Trần Thị	Phượng	17/02/1985	Nữ	1	Kiến Hưng	Họa			76.5	76.5	Trúng tuyển	
138	6	7	HG0441	Lê Thu	Hằng	22/03/1996	Nữ	1	Lê Hồng Phong	Họa			67	67.0	Trúng tuyển	
139	7	7	HG0442	Dương Bích	Phương	02/09/1995	Nữ	1	Lê Hồng Phong	Họa			63.5	63.5		
140	8	7	HG0443	Nguyễn Thị	Đào	03/09/1991	Nữ	1	Lê Quý Đôn	Họa			61.5	61.5	Trúng tuyển	
141	9	7	HG0444	Nguyễn Thị	Hương	20/09/1986	Nữ	1	Lê Quý Đôn	Họa			70.5	70.5	Trúng tuyển	
142	10	7	HG0447	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/04/1990	Nữ	1	Mậu Lương	Họa			68.5	68.5	Trúng tuyển	
143	11	7	HG0449	Đỗ Thị	Cúc	16/05/1990	Nữ	1	Nguyễn Trãi	Họa			75.5	75.5	Trúng tuyển	
144	12	7	HG0450	Đinh Thùy	Linh	22/09/1991	Nữ	1	Biên Giang	Nhạc	DTTS	5.0	83.5	88.5	Trúng tuyển	
145	13	7	HG0453	Nguyễn Thị	Ngọc	14/09/1987	Nữ	1	Dương Nội A	Nhạc			94	94.0	Trúng tuyển	
146	14	7	HG0454	Phạm Thị Huyền	Thanh	05/06/1985	Nữ	1	Dương Nội A	Nhạc			80	80.0		
147	15	7	HG0456	Đoàn Diệu	Thoa	02/09/1986	Nữ	1	Kiến Hưng	Nhạc			83	83.0	Trúng tuyển	
148	16	7	HG0459	Trần Quỳnh	Anh	22/02/1995	Nữ	1	Phú Lương I	Nhạc			86.5	86.5	Trúng tuyển	
149	17	7	HG0460	Nguyễn Thị	Chung	29/04/1990	Nữ	1	Phú Lương I	Nhạc			94.5	94.5	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
150	18	7	HG0778	Nguyễn Thị Dạ	Lệ	24/09/1996	Nữ	1	Đồng Mai I	Tin			70.5	70.5		
151	19	7	HG0779	Trần Thị	Ngọc	22/03/1991	Nữ	1	Đồng Mai I	Tin			81	81.0	Trúng tuyển	
152	20	7	HG0781	Đinh Thị	Hiền	06/04/1989	Nữ	1	Lê Lợi	Tin			78	78.0	Trúng tuyển	
153	21	7	HG0784	Nguyễn Thị Hà	Ly	06/07/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	Tin			75.5	75.5	Trúng tuyển	
154	22	7	HG0785	Nguyễn Thị	Hằng	03/09/1988	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	Tin			71	71.0		
155	23	7	HG0786	Nguyễn Phương	Quỳnh	13/12/1996	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	Tin			73.5	73.5	Trúng tuyển	
156	24	7	HG0789	Trần Thị Thanh	Thùy	21/10/1978	Nữ	1	Nguyễn Du	Tin	CTB	5.0	80	85.0		
157	25	7	HG0790	Nguyễn Thị	Trang	10/12/1991	Nữ	1	Nguyễn Du	Tin			87.5	87.5	Trúng tuyển	
158	26	7	HG0791	Đào Thị Vân	Anh	29/02/1996	Nữ	1	Phú La	Tin			79.5	79.5	Trúng tuyển	
159	27	7	HG0792	Nguyễn Đình	Minh	30/11/1991	Nam	1	Phú La	Tin			63.5	63.5		
160	28	7	HG0793	Lê Lệ	Trung	16/01/1988	Nữ	1	Phú La	Tin			66	66.0		
161	29	7	HG0795	Nguyễn Hữu	Tùng	26/05/1996	Nam	1	Trần Quốc Toàn	Tin			62	62.0	Trúng tuyển	
162	30	7	HG0796	Quách Thị Quỳnh	Trang	17/02/1995	Nữ	1	Văn Yên	Tin			82	82.0	Trúng tuyển	
163	1	8	HG0464	Trần Thị	Chăm	23/09/1990	Nữ	1	An Hưng	TH			61	61.0	Trúng tuyển	
164	2	8	HG0465	Nguyễn Thanh	Hương	08/08/1994	Nữ	1	An Hưng	TH			50	50.0	Trúng tuyển	
165	3	8	HG0466	Phùng Thị	Huyền	17/09/1992	Nữ	1	An Hưng	TH			29	29.0		
166	4	8	HG0468	Phạm Thị	Nguyệt	22/07/1991	Nữ	1	An Hưng	TH			58	58.0	Trúng tuyển	
167	5	8	HG0469	Lê Thu	Thùy	12/03/1997	Nữ	1	An Hưng	TH			48	48.0		
168	6	8	HG0470	Văn Thị	Trang	10/12/1994	Nữ	1	An Hưng	TH			48	48.0		
169	7	8	HG0471	Bùi Thị Ngọc	Trang	26/08/1995	Nữ	1	An Hưng	TH			48	48.0		
170	8	8	HG0472	Vương Thị	Tuyền	21/04/1995	Nữ	1	An Hưng	TH			50	50.0	Trúng tuyển	
171	9	8	HG0473	Đỗ Thị	Xuân	01/01/1990	Nữ	1	An Hưng	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
172	10	8	HG0475	Đinh Thu	Hoàn	08/11/1997	Nữ	1	Biên Giang	TH	DTTS	5.0	78	83.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
173	11	8	HG0476	Lê Thị Thảo	Ngọc	26/02/1996	Nữ	1	Biên Giang	TH			84	84.0	Trúng tuyển	
174	12	8	HG0477	Nguyễn Thanh	Thùy	15/04/1991	Nữ	1	Biên Giang	TH			77	77.0	Trúng tuyển	
175	13	8	HG0479	Phạm Thị Tuyết	Lan	01/07/1984	Nữ	1	Đoàn Kết	TH			78	78.0		
176	14	8	HG0480	Nguyễn Thanh	Mai	08/11/1996	Nữ	1	Đoàn Kết	TH			86	86.0	Trúng tuyển	
177	15	8	HG0481	Nguyễn Thị	Phi	12/11/1995	Nữ	1	Đoàn Kết	TH			81	81.0	Trúng tuyển	
178	16	8	HG0482	Đào Thu	Thảo	17/08/1990	Nữ	1	Đoàn Kết	TH			72	72.0		
179	17	8	HG0483	Nguyễn Thị	Hường	04/04/1996	Nữ	1	Đồng Mai I	TH			75	75.0	Trúng tuyển	
180	18	8	HG0484	Lê Ngọc	Linh	15/07/1997	Nữ	1	Đồng Mai I	TH			47	47.0		
181	19	8	HG0485	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/05/1997	Nữ	1	Đồng Mai I	TH			86	86.0	Trúng tuyển	
182	20	8	HG0486	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/12/1992	Nữ	1	Đồng Mai I	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
183	21	8	HG0487	Hà Thị	Phương	28/07/1992	Nữ	1	Đồng Mai I	TH	DTTS	5.0	74	79.0	Trúng tuyển	
184	22	8	HG0488	Nguyễn Thùy	Trang	21/11/1989	Nữ	1	Đồng Mai I	TH			77	77.0	Trúng tuyển	
185	23	8	HG0489	Phùng Duy	Tùng	20/04/1986	Nam	1	Đồng Mai I	TH			40.5	40.5		
186	1	9	HG0491	Nguyễn Văn	Anh	25/01/1994	Nữ	1	Đồng Mai II	TH			64	64.0	Trúng tuyển	
187	2	9	HG0492	Đặng Thị	Khánh	24/04/1993	Nữ	1	Đồng Mai II	TH			71	71.0	Trúng tuyển	
188	3	9	HG0494	Vũ Thị Hương	Ly	07/09/1997	Nữ	1	Đồng Mai II	TH			50	50.0	Trúng tuyển	
189	4	9	HG0496	Phạm Thị	Quyên	12/09/1994	Nữ	1	Đồng Mai II	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
190	5	9	HG0497	Nguyễn Thị	Thắm	17/05/1996	Nữ	1	Đồng Mai II	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
191	6	9	HG0500	Lê Thanh	Thùy	13/01/1997	Nữ	1	Đồng Mai II	TH			63	63.0	Trúng tuyển	
192	7	9	HG0501	Nguyễn Thị Hồng	Vui	18/05/1996	Nữ	1	Đồng Mai II	TH			67	67.0	Trúng tuyển	
193	8	9	HG0504	Đỗ Thị Phương	Thảo	13/04/1993	Nữ	1	Dương Nội A	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
194	9	9	HG0505	Nguyễn Cẩm	Tú	14/08/1997	Nữ	1	Dương Nội A	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
195	10	9	HG0507	Nguyễn Thị	Vĩnh	28/09/1994	Nữ	1	Dương Nội A	TH			76	76.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
196	11	9	HG0508	Khuất Thị Vân	Anh	08/05/1992	Nữ	I	Dương Nội B	TH			54	54.0	Trúng tuyển	
197	12	9	HG0509	Nguyễn Thị Trà	My	04/06/1996	Nữ	I	Dương Nội B	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
198	13	9	HG0510	Nguyễn Thị	Nhài	09/01/1995	Nữ	I	Dương Nội B	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
199	14	9	HG0511	Nguyễn Thị Bích	Phuong	30/05/1994	Nữ	I	Dương Nội B	TH			81	81.0	Trúng tuyển	
200	15	9	HG0512	Nguyễn Thanh	Tâm	31/03/1995	Nữ	I	Dương Nội B	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
201	16	9	HG0701	Bùi Thị	Anh	22/03/1995	Nữ	I	Phú Lương II	TH			91	91.0	Trúng tuyển	
202	17	9	HG0704	Bùi Thị	Hoa	22/01/1993	Nữ	I	Phú Lương II	TH			56	56.0	Trúng tuyển	
203	18	9	HG0705	Bùi Thị	Huế	11/10/1998	Nữ	I	Phú Lương II	TH			58.5	58.5	Trúng tuyển	
204	19	9	HG0708	Ngô Nguyễn Hồng	Liên	20/02/1994	Nữ	I	Phú Lương II	TH			61.5	61.5	Trúng tuyển	
205	20	9	HG0710	Nguyễn Thị	Mùi	03/08/1995	Nữ	I	Phú Lương II	TH			71	71.0	Trúng tuyển	
206	21	9	HG0711	Trần Thị Hằng	Nga	09/12/1996	Nữ	I	Phú Lương II	TH			67	67.0	Trúng tuyển	
207	22	9	HG0712	Nguyễn Thị	Ngọc	26/03/1996	Nữ	I	Phú Lương II	TH			59	59.0	Trúng tuyển	
208	23	9	HG0713	Phạm Thị	Quyên	12/08/1995	Nữ	I	Phú Lương II	TH			72	72.0	Trúng tuyển	
209	24	9	HG0714	Nguyễn Phương	Thảo	31/01/1996	Nữ	I	Phú Lương II	TH			61	61.0	Trúng tuyển	
210	25	9	HG0715	Lưu Thị	Thu	12/04/1992	Nữ	I	Phú Lương II	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
211	26	9	HG0716	Bùi Thị	Trang	26/05/1995	Nữ	I	Phú Lương II	TH			75	75.0	Trúng tuyển	
212	27	9	HG0717	Ngô Thị	Tuyền	09/05/1987	Nữ	I	Phú Lương II	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
213	1	10	HG0515	Vũ Thị Vân	Anh	30/08/1996	Nữ	I	Kiến Hưng	TH			64	64.0		
214	2	10	HG0517	Hoàng Thị Lan	Anh	09/10/1996	Nữ	I	Kiến Hưng	TH			60	60.0		
215	3	10	HG0518	Đào Thị Tuyết	Chinh	06/01/1997	Nữ	I	Kiến Hưng	TH			64	64.0		
216	4	10	HG0519	Cao Thị Kim	Cúc	03/11/1995	Nữ	I	Kiến Hưng	TH			61	61.0		
217	5	10	HG0520	Hoàng Văn	Cường	09/08/1977	Nam	I	Kiến Hưng	TH			67	67.0		
218	6	10	HG0523	Phạm Thanh	Dung	23/07/1996	Nữ	I	Kiến Hưng	TH			70	70.0	Trúng tuyển	



TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
219	7	10	HG0524	Hà Thu	Giang	13/10/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			76	76.0	Trúng tuyển	
220	8	10	HG0525	Bùi Hương	Giang	10/04/1994	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			63	63.0		
221	9	10	HG0526	Vũ Thị Thu	Hà	20/03/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
222	10	10	HG0527	Bùi Thu	Hàng	20/10/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
223	11	10	HG0528	Nguyễn Thị	Hiền	22/06/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			59	59.0		
224	12	10	HG0530	Nguyễn Thị	Hồng	04/08/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
225	13	10	HG0532	Lê Thị	Hương	15/12/1994	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			82	82.0	Trúng tuyển	
226	14	10	HG0535	Phạm Thị Ngọc	Huyền	26/05/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			72	72.0	Trúng tuyển	
227	15	10	HG0536	Hoàng Khánh	Huyền	23/03/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
228	16	10	HG0537	Nguyễn Thùy	Linh	10/02/1997	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			72.5	72.5	Trúng tuyển	
229	17	10	HG0539	Đinh Thị Thùy	Linh	08/11/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH	CBB	5.0	62	67.0		
230	1	11	HG0541	Nguyễn Thị Thùy	Linh	23/05/1994	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
231	2	11	HG0543	Phạm Thanh	Mai	24/09/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
232	3	11	HG0544	Nguyễn Thị Phương	Nga	10/03/1997	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			50	50.0		
233	4	11	HG0545	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/09/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			61	61.0		
234	5	11	HG0547	Nguyễn Phương	Nhung	23/03/1993	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
235	6	11	HG0548	Bùi Thị Hồng	Nhung	28/02/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			61	61.0		
236	7	11	HG0549	Lê Thị Trang	Nhung	23/05/1987	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			35.5	35.5		
237	8	11	HG0550	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/1993	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			60	60.0		
238	9	11	HG0555	Phạm Thanh	Quý	07/03/1994	Nam	1	Kiến Hưng	TH			57.75	57.8		
239	10	11	HG0556	Phạm Thị	Quyển	18/05/1994	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
240	11	11	HG0558	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	07/01/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			79.5	79.5	Trúng tuyển	
241	12	11	HG0559	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	15/03/1991	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			64	64.0		

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
242	13	11	HG0562	Lê Thị Thơm	18/06/1992	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			60	60.0		
243	14	11	HG0563	Nguyễn Thị Hoa	16/11/1976	Nữ	1	Kiến Hưng	TH	CTB	5.0	48.5	53.5		
244	15	11	HG0564	Nguyễn Thị Thơm	15/11/1997	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			60	60.0		
245	16	11	HG0567	Hà Thị Thùy	01/03/1983	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
246	17	11	HG0568	Lê Thị Tươi	26/04/1990	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			71	71.0	Trúng tuyển	
247	1	12	HG0570	Nguyễn Thị Khánh	20/03/1994	Nữ	1	Kim Đồng	TH			65	65.0		
248	2	12	HG0571	Vũ Thị Khánh	24/11/1997	Nữ	1	Kim Đồng	TH			82	82.0	Trúng tuyển	
249	3	12	HG0572	Đặng Thị Nhung	30/09/1997	Nữ	1	Kim Đồng	TH			86	86.0	Trúng tuyển	
250	4	12	HG0573	Kim Thị Nương	22/04/1992	Nữ	1	Kim Đồng	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
251	5	12	HG0574	Đào Nhân Phi	23/03/1996	Nữ	1	Kim Đồng	TH			80	80.0	Trúng tuyển	
252	6	12	HG0575	Nguyễn Thị Quyên	14/11/1994	Nữ	1	Kim Đồng	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
253	7	12	HG0576	Ngô Thị Quỳnh	01/12/1997	Nữ	1	Kim Đồng	TH			87	87.0	Trúng tuyển	
254	8	12	HG0577	Lê Thị Thanh Thảo	31/12/1994	Nữ	1	Kim Đồng	TH			87	87.0	Trúng tuyển	
255	9	12	HG0580	Nguyễn Thị Toán	13/11/1996	Nữ	1	Kim Đồng	TH			83	83.0	Trúng tuyển	
256	10	12	HG0581	Nguyễn Thị Huyền Trang	31/05/1994	Nữ	1	Kim Đồng	TH			83	83.0	Trúng tuyển	
257	11	12	HG0582	Nguyễn Hoàng Yên	15/05/1995	Nữ	1	Kim Đồng	TH			80	80.0	Trúng tuyển	
258	12	12	HG0583	Đỗ Thị Hải Hà	11/10/1991	Nữ	1	Lê Hồng Phong	TH			70	70.0		
259	13	12	HG0584	Nguyễn Thị Thu Hằng	24/08/1986	Nữ	1	Lê Hồng Phong	TH			75	75.0	Trúng tuyển	
260	14	12	HG0585	Nguyễn Thị Thúy An	25/05/1994	Nữ	1	Lê Lợi	TH			56	56.0	Trúng tuyển	
261	15	12	HG0586	Lưu Thị Đà Giang	29/12/1995	Nữ	1	Lê Lợi	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
262	16	12	HG0587	Long Thị Diệu Hằng	23/10/1996	Nữ	1	Lê Lợi	TH			38	38.0		
263	17	12	HG0589	Nguyễn Thị Hồng Hoa	04/12/1994	Nữ	1	Lê Lợi	TH			63	63.0	Trúng tuyển	
264	18	12	HG0590	Phạm Ngọc Minh	23/12/1995	Nữ	1	Lê Lợi	TH			65	65.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
265	19	12	HG0718	Lưu Thị Thúy	Hằng	18/12/1991	Nữ	1	Trần Đăng Ninh	TH			59	59.0	Trúng tuyển	
266	20	12	HG0723	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	20/02/1992	Nữ	1	Trần Phú	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
267	21	12	HG0724	Nguyễn Thu	Thảo	28/08/1996	Nữ	1	Trần Phú	TH			75	75.0	Trúng tuyển	
268	1	13	HG0592	Bùi Thị Lan	Anh	28/10/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
269	2	13	HG0594	Đỗ Phương	Anh	18/05/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			Bỏ thi			
270	3	13	HG0595	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/02/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			48	48.0		
271	4	13	HG0596	Nguyễn Phương	Anh	08/09/1995	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			61	61.0		
272	5	13	HG0597	Đỗ Tú	Anh	20/10/1997	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			45	45.0		
273	6	13	HG0599	Cần Thị Ngọc	Ánh	11/01/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
274	7	13	HG0600	Vũ Thị	Chi	12/05/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			64	64.0		Xếp loại tốt nghiệp Giỏi, HKTT tại huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
275	8	13	HG0601	Bùi Thị	Chinh	26/08/1997	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
276	9	13	HG0602	Nguyễn Thị	Doan	15/05/1995	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			71	71.0	Trúng tuyển	
277	10	13	HG0603	Nguyễn Thị	Dung	27/06/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			54	54.0		
278	11	13	HG0604	Nguyễn Thị	Hằng	23/08/1997	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			46	46.0		
279	12	13	HG0605	Hà Minh	Hiệu	24/02/1992	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH	DTTS	5.0	50	55.0		
280	13	13	HG0606	Đỗ Thị	Hoa	23/05/1992	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			43	43.0		
281	14	13	HG0607	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/04/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			66	66.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
282	15	13	HG0608	Hoàng Thị Hương		29/03/1984	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			64	64.0	Trúng tuyển	Xếp loại tốt nghiệp Giỏi, HKTT tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
283	16	13	HG0612	Nguyễn Thị Sáu Lan		25/08/1982	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			64	64.0	Trúng tuyển	Xếp loại tốt nghiệp Giỏi, HKTT tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
284	17	13	HG0613	Mai Thùy Linh		02/10/1995	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
285	18	13	HG0615	Nguyễn Thị Diệu Linh		21/10/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			63	63.0		
286	19	13	HG0616	Nguyễn Thị Hà My		24/06/1997	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
287	20	13	HG0617	Nguyễn Thị Năm		11/05/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			62	62.0		
288	21	13	HG0618	Tạ Thị Nga		22/11/1994	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
289	22	13	HG0621	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		10/10/1994	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			59	59.0		
290	23	13	HG0622	Ngô Thị Hồng Nhung		21/10/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH	CDCĐ	5.0	66	71.0	Trúng tuyển	
291	24	13	HG0623	Nguyễn Thị Oanh		04/10/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
292	25	13	HG0626	Hà Thị Thu Quỳnh		27/11/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
293	26	13	HG0628	Trần Thị Hoài Thanh		21/05/1992	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			64	64.0		Xếp loại tốt nghiệp Giỏi, HKTT tại tỉnh Gia Lai
294	27	13	HG0630	Trung Thị Phương Thảo		15/08/1997	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			57	57.0		
295	28	13	HG0631	Nguyễn Thị Thu		06/05/1979	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			65	65.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
296	29	13	HG0633	Đặng Thị	Thùy	14/07/1991	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		72	72.0	Trúng tuyển		
297	30	13	HG0636	Vũ Quỳnh	Trang	19/09/1995	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		61	61.0			
298	31	13	HG0637	Trần Phương	Trinh	27/02/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		68	68.0	Trúng tuyển		
299	1	14	HG0641	Vũ Thị	Hoa	04/09/1992	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	TH		66	66.0	Trúng tuyển		
300	2	14	HG0642	Nguyễn Thu	Hương	29/08/1998	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	TH		53	53.0	Trúng tuyển		
301	3	14	HG0643	Lê Thị Kiều	Oanh	14/03/1997	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	TH		73	73.0	Trúng tuyển		
302	4	14	HG0644	Bùi Thị	Tinh	17/03/1985	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	TH		62	62.0	Trúng tuyển		
303	5	14	HG0645	Đào Thị	Hằng	09/03/1990	Nữ	1	Mậu Lương	TH	CNTB	5.0	61	66.0	Trúng tuyển	
304	6	14	HG0649	Phạm Thị Thu	Hương	27/03/1994	Nữ	1	Mậu Lương	TH		64	64.0	Trúng tuyển		
305	7	14	HG0650	Trần Thị Minh	Ngọc	13/04/1993	Nữ	1	Mậu Lương	TH		76	76.0	Trúng tuyển		
306	8	14	HG0651	Lê Hà	Phương	24/10/1995	Nữ	1	Mậu Lương	TH		73	73.0	Trúng tuyển		
307	9	14	HG0653	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	10/08/1996	Nữ	1	Mậu Lương	TH		70	70.0	Trúng tuyển		
308	10	14	HG0655	Nguyễn Diệu	Thúy	22/03/1996	Nữ	1	Mậu Lương	TH		65	65.0	Trúng tuyển		
309	11	14	HG0656	Phạm Ngọc	Tiến	04/03/1993	Nam	1	Mậu Lương	TH		61	61.0			
310	12	14	HG0658	Nguyễn Thị Linh	Chi	24/12/1995	Nữ	1	Nguyễn Trãi	TH		70	70.0	Trúng tuyển		
311	13	14	HG0659	Nguyễn Thùy	Dung	13/01/1997	Nữ	1	Nguyễn Trãi	TH		Bỏ thi				
312	14	14	HG0662	Dương Ngọc	Tú	27/09/1998	Nữ	1	Nguyễn Trãi	TH		61	61.0	Trúng tuyển		
313	15	14	HG0663	Lê Thị Phương	Anh	14/02/1996	Nữ	1	Phú La	TH		65	65.0	Trúng tuyển		
314	16	14	HG0664	Đặng Ngọc	Hân	10/08/1990	Nữ	1	Phú La	TH		60	60.0			
315	17	14	HG0665	Chữ Thị Mỹ	Hạnh	08/09/1996	Nữ	1	Phú La	TH		65	65.0	Trúng tuyển		
316	18	14	HG0667	Hoàng Thị	Hòa	12/11/1991	Nữ	1	Phú La	TH		66	66.0	Trúng tuyển		
317	19	14	HG0668	Đào Thị Nhật	Lệ	13/12/1993	Nữ	1	Phú La	TH		63	63.0	Trúng tuyển		
318	20	14	HG0669	Nguyễn Thị Mai	Phương	17/05/1991	Nữ	1	Phú La	TH		73	73.0	Trúng tuyển		

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
319	21	14	HG0670	Nguyễn Thị	Thúy	12/07/1993	Nữ	1	Phú la	TH		78	78.0	Trúng tuyển		
320	22	14	HG0671	Đỗ Thị	Trang	12/07/1995	Nữ	1	Phú La	TH		61	61.0			
321	1	15	HG0672	Dương Nguyệt	Anh	14/12/1996	Nữ	1	Phú Lâm	TH		66	66.0	Trúng tuyển		
322	2	15	HG0673	Phùng Thị	Dinh	07/09/1994	Nữ	1	Phú Lâm	TH		63	63.0	Trúng tuyển		
323	3	15	HG0674	Phạm Thị	Duyên	23/02/1997	Nữ	1	Phú Lâm	TH		70	70.0	Trúng tuyển		
324	4	15	HG0675	Ngô Thị Thu	Hà	06/11/1997	Nữ	1	Phú Lâm	TH		68	68.0	Trúng tuyển		
325	5	15	HG0676	Lê Thị	Hà	01/10/1993	Nữ	1	Phú Lâm	TH		60	60.0	Trúng tuyển		
326	6	15	HG0677	Nguyễn Thị	Hạnh	28/01/1996	Nữ	1	Phú Lâm	TH		61	61.0	Trúng tuyển		
327	7	15	HG0678	Nguyễn Thị	Huệ	04/04/1997	Nữ	1	Phú Lâm	TH		72	72.0	Trúng tuyển		
328	8	15	HG0679	Bùi Thị	Hương	24/03/1994	Nữ	1	Phú Lâm	TH		65	65.0	Trúng tuyển		
329	9	15	HG0680	Nguyễn Thị	Hường	02/07/1996	Nữ	1	Phú Lâm	TH		56	56.0			
330	10	15	HG0681	Nguyễn Thị	Nga	22/06/1997	Nữ	1	Phú Lâm	TH		69	69.0	Trúng tuyển		
331	11	15	HG0682	Đức Thị	Ngọc	25/11/1997	Nữ	1	Phú Lâm	TH		72	72.0	Trúng tuyển		
332	12	15	HG0683	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19/04/1995	Nữ	1	Phú Lâm	TH		61	61.0	Trúng tuyển		
333	13	15	HG0685	Tường Thị	Trang	25/05/1996	Nữ	1	Phú Lâm	TH		68	68.0	Trúng tuyển		
334	14	15	HG0686	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/08/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH		51	51.0	Trúng tuyển		
335	15	15	HG0687	Đặng Thị	Bảo	14/04/1997	Nữ	1	Phú Lương I	TH		64	64.0	Trúng tuyển		
336	16	15	HG0689	Đỗ Thị	Duyên	03/04/1994	Nữ	1	Phú Lương I	TH		72	72.0	Trúng tuyển		
337	17	15	HG0690	Thạc Thị	Hằng	05/04/1997	Nữ	1	Phú Lương I	TH		55	55.0	Trúng tuyển		
338	18	15	HG0692	Nguyễn Thị Thu	Hiền	23/12/1982	Nữ	1	Phú Lương I	TH		42	42.0			
339	19	15	HG0693	Lê Thị	Nhung	16/01/1997	Nữ	1	Phú Lương I	TH		64	64.0	Trúng tuyển		
340	20	15	HG0695	Đào Thị Thanh	Quyên	16/04/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH		81	81.0	Trúng tuyển		
341	21	15	HG0696	Bùi Thị Thúy	Sinh	28/05/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH	DTTS	5.0	56	61.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
342	22	15	HG0697	Phùng Thị	Thắng	26/02/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH			67	67.0	Trúng tuyển	
343	23	15	HG0699	Đào Thị	Thùy	29/07/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH			71	71.0	Trúng tuyển	
344	1	16	HG0725	Nguyễn Thị	Ánh	22/09/1997	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
345	2	16	HG0726	Bùi Thị	Ánh	13/02/1994	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			76	76.0	Trúng tuyển	
346	3	16	HG0727	Hoàng Văn	Bình	21/10/1996	Nam	1	Trần Quốc Toàn	TH	DTTS	5.0	54	59.0		
347	4	16	HG0729	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	10/10/1997	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			41	41.0		
348	5	16	HG0730	Trịnh Thị	Hoa	08/11/1996	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			82	82.0	Trúng tuyển	
349	6	16	HG0731	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	01/09/1994	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH	CTB	5.0	61	66.0	Trúng tuyển	
350	7	16	HG0732	Ngô Thị	Liên	01/03/1990	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			80	80.0	Trúng tuyển	
351	8	16	HG0733	Đinh Hồng	Lý	18/11/1997	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
352	9	16	HG0735	Ngô Thị Thanh	Nhàn	20/09/1997	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
353	10	16	HG0736	Nguyễn Thu	Phương	28/11/1996	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
354	11	16	HG0737	Nguyễn Thị	Thùy	27/01/1996	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
355	12	16	HG0739	Nguyễn Thị	Tú	20/05/1991	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			85	85.0	Trúng tuyển	
356	13	16	HG0740	Phạm Ngọc	Anh	20/11/1994	Nữ	1	Văn Khê	TH			81	81.0	Trúng tuyển	
357	14	16	HG0741	Trịnh Thu	Hằng	25/08/1995	Nữ	1	Văn Khê	TH			87	87.0	Trúng tuyển	
358	15	16	HG0742	Đặng Thị	Quyên	07/10/1997	Nữ	1	Văn Khê	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
359	16	16	HG0743	Hà Thị Ánh	Tuyết	26/09/1984	Nữ	1	Văn Khê	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
360	17	16	HG0744	Lê Thị Hải	Yến	10/10/1995	Nữ	1	Văn Khê	TH			84	84.0	Trúng tuyển	
361	18	16	HG0745	Lương Thị	Dung	03/06/1996	Nữ	1	Vạn Phúc	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
362	19	16	HG0747	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	15/11/1996	Nữ	1	Vạn Phúc	TH			84	84.0	Trúng tuyển	
363	20	16	HG0748	Nguyễn Bích	Liên	23/11/1996	Nữ	1	Vạn Phúc	TH			67	67.0	Trúng tuyển	
364	21	16	HG0749	Lê Thị	Quyên	14/10/1996	Nữ	1	Vạn Phúc	TH			70	70.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
365	22	16	HG0750	Nguyễn Thu	Thảo	30/07/1993	Nữ	1	Vạn Phúc	TH		88	88.0	Trúng tuyển		
366	1	17	HG0751	Tô Thị	An	05/08/1988	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		66	66.0	Trúng tuyển		
367	2	17	HG0752	Phạm Thị	Duyên	13/01/1988	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		71	71.0	Trúng tuyển		
368	3	17	HG0753	Nguyễn Thị	Hà	05/02/1990	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		61	61.0	Trúng tuyển	Xếp loại tốt nghiệp Giỏi	
369	4	17	HG0754	Cao Thị	Hoa	26/02/1991	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		75	75.0	Trúng tuyển		
370	5	17	HG0755	K Thị Xuân	Hương	22/08/1995	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH	DTTS	5.0	64	69.0	Trúng tuyển	
371	6	17	HG0756	Lê Thị Minh	Hương	30/12/1996	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		59	59.0			
372	7	17	HG0757	Ngô Thị	My	25/03/1996	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		70	70.0	Trúng tuyển		
373	8	17	HG0758	Lê Thị Thúy	Oanh	22/02/1997	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		69	69.0	Trúng tuyển		
374	9	17	HG0759	Mai Lê Hồng	Phượng	28/06/1999	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		62	62.0	Trúng tuyển		
375	10	17	HG0760	Nguyễn Thị	Quỳnh	11/10/1997	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		69	69.0	Trúng tuyển		
376	11	17	HG0761	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/1995	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		57	57.0			
377	12	17	HG0762	Bùi Minh	Thư	22/11/1997	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		67	67.0	Trúng tuyển		
378	13	17	HG0763	Đoàn Thị	Thúy	02/10/1997	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		61	61.0		Xếp loại tốt nghiệp Khá	
379	14	17	HG0764	Trần Thị Thùy	Trang	13/05/1997	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		47.5	47.5			
380	15	17	HG0765	Hà Thị	Trang	12/12/1992	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH	DTTS	5.0	58	63.0	Trúng tuyển	
381	16	17	HG0766	Hoàng Ngọc	Ánh	04/10/1997	Nữ	1	Yết Kiêu	TH		58	58.0			
382	17	17	HG0767	Lê Khánh	Hằng	26/03/1997	Nữ	1	Yết Kiêu	TH		69	69.0	Trúng tuyển		
383	18	17	HG0768	Ngô Thị Phương	Hoa	06/08/1996	Nữ	1	Yết Kiêu	TH		62	62.0			
384	19	17	HG0769	Phạm Thị	Hương	28/07/1978	Nữ	1	Yết Kiêu	TH	CĐCĐ	5.0	71	76.0	Trúng tuyển	
385	20	17	HG0772	Bùi Thị	Luận	27/01/1991	Nữ	1	Yết Kiêu	TH	DTTS	5.0	71	76.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
386	21	17	HG0774	Nguyễn Thị Minh	Trang	04/11/1990	Nữ	1	Yết Kiêu	TH			76	76.0	Trúng tuyển	
387	22	17	HG0775	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/03/1995	Nữ	1	Yết Kiêu	TH			63	63.0	Trúng tuyển	
388	23	17	HG0776	Nguyễn Hà	Vân	16/07/1997	Nữ	1	Yết Kiêu	TH			58	58.0		
389	24	17	HG0777	Trần Thị	Yến	21/09/1989	Nữ	1	Yết Kiêu	TH			56	56.0		
390	1	18	HG0798	Nguyễn Thị	Tuyết	16/06/1993	Nữ	2	Kiến Hưng	Địa			61	61.0	Trúng tuyển	
391	2	18	HG0799	Nguyễn Thị Hải	Yến	08/07/1991	Nữ	2	Lê Hồng Phong	Địa			76.5	76.5	Trúng tuyển	
392	3	18	HG0801	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/08/1994	Nữ	2	Lê Lợi	Địa			93.5	93.5	Trúng tuyển	
393	4	18	HG0802	Vân Trọng	Đức	18/12/1995	Nam	2	Lê Quý Đôn	Địa			83.5	83.5		
394	5	18	HG0806	Triệu Thị	Mến	26/11/1996	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Địa	DTTS	5.0	71	76.0		
395	6	18	HG0809	Nguyễn Đình	Nhã	25/04/1989	Nam	2	Lê Quý Đôn	Địa			85	85.0	Trúng tuyển	
396	7	18	HG0810	Chu Thị Thanh	Tâm	16/04/1993	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Địa			69	69.0		
397	8	18	HG0811	Phạm Thị	Thường	27/06/1986	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Địa			61.5	61.5		
398	9	18	HG0812	Nguyễn Thị Mai	Trang	28/03/1997	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Địa			86.5	86.5	Trúng tuyển	
399	10	18	HG0813	Đinh Thị	Vân	09/09/1992	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Địa			93	93.0	Trúng tuyển	
400	11	18	HG0814	Nguyễn Hồng	Hải	22/08/1997	Nam	2	Phú Lương	Địa			83.5	83.5	Trúng tuyển	
401	12	18	HG0816	Đàm Thị	Hồng	10/09/1995	Nữ	2	Phú Lương	Địa			74.5	74.5		
402	13	18	HG0820	Nguyễn Thị	Nga	02/02/1994	Nữ	2	Phú Lương	Địa			76.5	76.5	Trúng tuyển	
403	14	18	HG0821	Hoàng Thị Hồng	Thắm	17/09/1993	Nữ	2	Phú Lương	Địa			86	86.0	Trúng tuyển	
404	15	18	HG0823	Nguyễn Thị	Thúy	14/05/1992	Nữ	2	Phú Lương	Địa			77	77.0	Trúng tuyển	
405	16	18	HG0825	Đỗ Thị Hải	Yến	04/02/1993	Nữ	2	Phú Lương	Địa			69.5	69.5		
406	17	18	HG0826	Võ Ngọc	Huyền	07/07/1997	Nữ	2	Trần Đăng Ninh	Địa			61	61.0	Trúng tuyển	
407	18	18	HG0827	Nguyễn Thị	Thư	13/01/1995	Nữ	2	Trần Đăng Ninh	Địa			77.5	77.5	Trúng tuyển	
408	19	18	HG0828	Nguyễn Thị	Oanh	10/04/1986	Nữ	2	Văn Yên	Địa	CTB	5.0	77.5	82.5	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
409	20	18	HG0829	Ngô Thị Khánh	Linh	02/12/1993	Nữ	2	Yên Nghĩa	Địa			82.5	82.5	Trúng tuyển	
410	21	18	HG0830	Đinh Thị Mai	Phương	10/09/1989	Nữ	2	Yên Nghĩa	Địa			74.5	74.5	Trúng tuyển	
411	22	18	HG0946	Vũ Thị	Giang	12/11/1993	Nữ	2	Đồng Mai	Sử			65.5	65.5		
412	23	18	HG0947	Phạm Thị	Hoạt	06/03/1986	Nữ	2	Đồng Mai	Sử			71.5	71.5	Trúng tuyển	
413	24	18	HG0948	Lê Thị	Hồng	23/10/1990	Nữ	2	Đồng Mai	Sử			71	71.0	Trúng tuyển	
414	25	18	HG0949	Lê Thị Ngọc	Linh	14/02/1996	Nữ	2	Đồng Mai	Sử			69	69.0		
415	1	19	HG0925	Lại Ngọc	Hà	21/02/1995	Nữ	2	Biên Giang	Sinh			80	80.0	Trúng tuyển	
416	2	19	HG0926	Phạm Thị Phương	Trang	15/10/1995	Nữ	2	Biên Giang	Sinh			76	76.0		
417	3	19	HG0927	Nguyễn Quốc	An	23/11/1996	Nam	2	Đồng Mai	Sinh			84	84.0	Trúng tuyển	
418	4	19	HG0928	Dương Thị	Hậu	07/07/1989	Nữ	2	Dương Nội	Sinh			75	75.0	Trúng tuyển	
419	5	19	HG0929	Nguyễn Thị Thanh	Phương	15/10/1990	Nữ	2	Dương Nội	Sinh			67	67.0	Trúng tuyển	
420	6	19	HG0930	Nguyễn Thị	Ánh	28/08/1991	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Sinh			84	84.0	Trúng tuyển	
421	7	19	HG0931	Bùi Thị Thu	Hiền	03/08/1996	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Sinh			72	72.0	Trúng tuyển	
422	8	19	HG0932	Lê Thị Thùy	Linh	07/03/1994	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Sinh			60	60.0		
423	9	19	HG0933	Nguyễn Hải	Thương	16/07/1995	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Sinh			48	48.0		
424	10	19	HG0934	Phạm Phương	Dung	28/11/1995	Nữ	2	Nguyễn Trãi	Sinh			77	77.0	Trúng tuyển	Xếp loại tốt nghiệp Giỏi
425	11	19	HG0935	Trần Thị Hoài	Giang	14/01/1995	Nữ	2	Nguyễn Trãi	Sinh			62	62.0		
426	12	19	HG0936	Thân Thị Kim	Phượng	21/06/1996	Nữ	2	Nguyễn Trãi	Sinh			77	77.0		Xếp loại tốt nghiệp Khá
427	13	19	HG0937	Nguyễn Thu	Thùy	01/09/1996	Nữ	2	Nguyễn Trãi	Sinh			66	66.0		
428	14	19	HG0939	Phương Thị	Hà	06/02/1985	Nữ	2	Phú La	Sinh	DTTS	5.0	62	67.0	Trúng tuyển	
429	15	19	HG0941	Đinh Thị	Ly	25/03/1994	Nữ	2	Phú Lâm	Sinh	DTTS	5.0	72	77.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
430	16	19	HG0942	Nguyễn Thị Thu	Trang	08/09/1995	Nữ	2	Phú Lương	Sinh		78	78.0	Trúng tuyển		
431	17	19	HG0944	Nguyễn Thị Kim	Anh	06/10/1994	Nữ	2	Yên Nghĩa	Sinh		81	81.0	Trúng tuyển		
432	18	19	HG0945	Nguyễn Thị Xuân	Hòa	21/02/1994	Nữ	2	Yên Nghĩa	Sinh		70	70.0	Trúng tuyển		
433	1	20	HG0844	Đặng Thị Thu	Trinh	12/11/1996	Nữ	2	Phú La	GDTC		72.5	72.5	Trúng tuyển		
434	2	20	HG0846	Phạm Thị	Hằng	16/11/1992	Nữ	2	Văn Quán	GDTC		67.5	67.5	Trúng tuyển		
435	3	20	HG0849	Nguyễn Văn	Cường	30/12/1997	Nam	2	Đồng Mai	Hóa		63	63.0			
436	4	20	HG0852	Nguyễn Thị	Nhung	03/05/1994	Nữ	2	Đồng Mai	Hóa		52	52.0			
437	5	20	HG0853	Trần Thị	Thùy	26/10/1991	Nữ	2	Đồng Mai	Hóa		85	85.0	Trúng tuyển		
438	6	20	HG0854	Phạm Tuấn	Anh	13/11/1992	Nam	2	Phú Lương	Hóa		63	63.0			
439	7	20	HG0855	Phan Thị	Ánh	19/10/1994	Nữ	2	Phú Lương	Hóa		79	79.0			
440	8	20	HG0857	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	09/04/1992	Nữ	2	Phú Lương	Hóa		88	88.0	Trúng tuyển		
441	9	20	HG0859	Trịnh Phi	Long	18/12/1996	Nam	2	Phú Lương	Hóa		63	63.0			
442	10	20	HG0862	Nguyễn Thị	Phượng	16/10/1996	Nữ	2	Phú Lương	Hóa		68	68.0			
443	11	20	HG0863	Nguyễn Phương	Thào	26/10/1997	Nữ	2	Phú Lương	Hóa		51	51.0			
444	12	20	HG0864	Đỗ Minh	Thu	05/06/1993	Nữ	2	Phú Lương	Hóa		68	68.0			
445	13	20	HG0865	Trần Thị	Thúy	28/11/1993	Nữ	2	Phú Lương	Hóa		60	60.0			
446	14	20	HG0867	Nguyễn Thị	Tươi	12/05/1986	Nữ	2	Phú Lương	Hóa		78	78.0			
447	15	20	HG0868	Phạm Thị	Xoan	20/09/1989	Nữ	2	Phú Lương	Hóa		Bỏ thi				
448	16	20	HG0870	Duy Thị	Lan	12/07/1989	Nữ	2	Biên Giang	Họa		75	75.0	Trúng tuyển		
449	17	20	HG0871	Nguyễn Thị	Hường	01/10/1991	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Họa		72	72.0	Trúng tuyển		
450	18	20	HG0874	Đỗ Thị	Phượng	25/03/1996	Nữ	2	Nguyễn Trãi	Họa		72.5	72.5	Trúng tuyển		
451	19	20	HG0877	Nguyễn Thị Thu	Loan	11/06/1996	Nữ	2	Trần Đăng Ninh	Họa		81	81.0	Trúng tuyển		
452	20	20	HG0878	Cao Thị	Thu	12/11/1980	Nữ	2	Văn Khê	Họa	CTB	5.0	70	75.0	Trúng tuyển	

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
453	21	20	HG0879	Đặng Thị	Hiên	15/05/1992	Nữ	2	Văn Quán	Họa		70.5	70.5	Trúng tuyển		
454	22	20	HG0881	Hoàng Thị	Mai	05/12/1992	Nữ	2	Văn Quán	Họa		65.5	65.5			
455	23	20	HG0924	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/09/1996	Nữ	2	Phú Lương	Nhạc		90	90.0	Trúng tuyển		
456	24	20	HG0953	Bạch Thị Thu	Hồng	27/08/1996	Nữ	2	Đồng Mai	Tin		53	53.0			
457	25	20	HG0954	Nguyễn Trung	Hung	02/11/1982	Nam	2	Đồng Mai	Tin		71.5	71.5	Trúng tuyển		
458	1	21	HG0882	Tạ Thị Minh	Đoan	23/02/1996	Nữ	2	Dương Nội	Lý		75	75.0			
459	2	21	HG0883	Nguyễn Thị Thùy	Dương	05/08/1991	Nữ	2	Dương Nội	Lý		77.5	77.5			
460	3	21	HG0884	Ngô Thị Hương	Giang	23/10/1993	Nữ	2	Dương Nội	Lý	CTB	5.0	78.5	83.5	Trúng tuyển	
461	4	21	HG0885	Nguyễn Hồng	Khuyên	24/10/1996	Nữ	2	Dương Nội	Lý		49	49.0			
462	5	21	HG0887	Lưu Thị Thúy	Nga	03/07/1996	Nữ	2	Dương Nội	Lý		71	71.0			
463	6	21	HG0888	Nguyễn Hoàng	Phương	28/03/1995	Nam	2	Dương Nội	Lý		59	59.0			
464	7	21	HG0890	Trịnh Minh	Anh	12/08/1992	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Lý		78.5	78.5	Trúng tuyển		
465	8	21	HG0891	Nguyễn Thị Hồng	Anh	01/11/1992	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Lý		47.5	47.5			
466	9	21	HG0892	Lê Thị Kiều	Anh	22/03/1995	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Lý		61	61.0			
467	10	21	HG0893	Lưu Hoàng	Anh	28/10/1996	Nam	2	Lê Quý Đôn	Lý		56	56.0			
468	11	21	HG0896	Nguyễn Thị Thùy	Dung	24/03/1994	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Lý		61.5	61.5			
469	12	21	HG0897	Dương Thị	Giang	16/12/1994	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Lý		75	75.0			
470	13	21	HG0898	Đinh Thị Thanh	Ngân	24/12/1990	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Lý		52	52.0			
471	14	21	HG0901	Đỗ Phương	Thảo	13/07/1992	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Lý		58.5	58.5			
472	15	21	HG0903	Trần Văn	Thông	20/09/1994	Nam	2	Lê Quý Đôn	Lý		47	47.0			
473	16	21	HG0904	Lê Thị Quỳnh	Trang	15/10/1992	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Lý		68	68.0			
474	1	22	HG0905	Nguyễn Phương	Anh	12/04/1995	Nữ	2	Phú Lương	Lý		60	60.0			
475	2	22	HG0906	Nguyễn Thị Nhật	Anh	18/09/1996	Nữ	2	Phú Lương	Lý		54	54.0			

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
476	3	22	HG0907	Phạm Thị Hòa	07/07/1992	Nữ	2	Phú Lương	Lý			65	65.0		
477	4	22	HG0909	Nguyễn Thị Hồng	05/05/1993	Nữ	2	Phú Lương	Lý			55.5	55.5		
478	5	22	HG0910	Nguyễn Thị Thu	16/09/1988	Nữ	2	Phú Lương	Lý			63	63.0		
479	6	22	HG0911	Hồ Diệu Linh	08/02/1993	Nữ	2	Phú Lương	Lý			55	55.0		
480	7	22	HG0914	Đặng Thị Nhung	04/09/1990	Nữ	2	Phú Lương	Lý			49	49.0		
481	8	22	HG0916	Nguyễn Thị Hà	09/06/1996	Nữ	2	Phú Lương	Lý			58.5	58.5		
482	9	22	HG0917	Đào Văn Quân	22/02/1991	Nam	2	Phú Lương	Lý			63.5	63.5		
483	10	22	HG0918	Vương Hương Tiên	15/09/1994	Nữ	2	Phú Lương	Lý			49.5	49.5		
484	11	22	HG0919	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	02/06/1989	Nữ	2	Phú Lương	Lý			56	56.0		
485	12	22	HG0920	Trịnh Thị Thanh Vân	24/08/1989	Nữ	2	Phú Lương	Lý			70	70.0	Trúng tuyển	
486	13	22	HG0921	Nguyễn Thị Vân	09/03/1994	Nữ	2	Phú Lương	Lý			67	67.0	Trúng tuyển	
487	14	22	HG0922	Nguyễn Thị Tường Vân	12/08/1994	Nữ	2	Phú Lương	Lý			60.5	60.5		
488	15	22	HG0923	Đoàn Thị Thanh Thu	25/11/1993	Nữ	2	Phú Lương	Lý			53	53.0		
489	1	23	HG0957	Nguyễn Ngọc Ánh	12/05/1995	Nữ	2	Biên Giang	Toán			93.5	93.5	Trúng tuyển	
490	2	23	HG0958	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/07/1994	Nữ	2	Biên Giang	Toán			77.5	77.5		
491	3	23	HG0959	Nguyễn Thị Minh Châu	30/06/1997	Nữ	2	Biên Giang	Toán			57	57.0		
492	4	23	HG0961	Hoàng Thị Chuyên	22/04/1995	Nữ	2	Biên Giang	Toán			62	62.0		
493	5	23	HG0962	Lê Thị Lâm Giang	07/09/1994	Nữ	2	Biên Giang	Toán			67	67.0		
494	6	23	HG0963	Phùng Thị Thanh Hải	19/11/1995	Nữ	2	Biên Giang	Toán			66.5	66.5		
495	7	23	HG0964	Nguyễn Thị Hào	21/07/1990	Nữ	2	Biên Giang	Toán	CTB	5.0	72	77.0		
496	8	23	HG0965	Tạ Thị Hương	20/03/1993	Nữ	2	Biên Giang	Toán			77	77.0		
497	9	23	HG0966	Lê Thị Thu Hường	18/01/1996	Nữ	2	Biên Giang	Toán			66.5	66.5		
498	10	23	HG0967	Trần Đăng Khanh	20/05/1980	Nam	2	Biên Giang	Toán			79.5	79.5		

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
499	11	23	HG0968	Vũ Thị	Liên	15/08/1994	Nữ	2	Biên Giang	Toán		67	67.0			
500	12	23	HG0970	Vương Quang	Minh	04/11/1994	Nam	2	Biên Giang	Toán		76.5	76.5			
501	13	23	HG0971	Trần Thị Minh	Ngọc	15/09/1995	Nữ	2	Biên Giang	Toán		90	90.0	Trúng tuyển		
502	14	23	HG0972	Nguyễn Bích	Ngọc	25/05/1996	Nữ	2	Biên Giang	Toán		90	90.0	Trúng tuyển		
503	15	23	HG0973	Dương Thị Hồng	Nhung	07/10/1987	Nữ	2	Biên Giang	Toán		74.5	74.5			
504	16	23	HG0975	Nguyễn Thị	Quyên	04/11/1994	Nữ	2	Biên Giang	Toán		71	71.0			
505	17	23	HG0978	Đinh Văn	Thông	02/05/1983	Nam	2	Biên Giang	Toán		81	81.0			
506	18	23	HG0981	Hoàng Thị Lệ	Thùy	22/07/1993	Nữ	2	Biên Giang	Toán		79	79.0			
507	19	23	HG0982	Vũ Mạnh	Tiến	28/11/1996	Nam	2	Biên Giang	Toán		77.5	77.5			
508	20	23	HG0983	Trần Huyền	Trang	12/05/1993	Nữ	2	Biên Giang	Toán		79	79.0			
509	21	23	HG0984	Đào Thị Huyền	Trang	23/09/1995	Nữ	2	Biên Giang	Toán		78.5	78.5			
510	22	23	HG0986	Ngô Thị	Vân	28/11/1986	Nữ	2	Biên Giang	Toán		74	74.0			
511	23	23	HG0987	Trịnh Thị Lệ	Xuân	30/12/1995	Nữ	2	Biên Giang	Toán		80	80.0			
512	24	23	HG0988	Hoàng Hải	Yến	23/06/1995	Nữ	2	Biên Giang	Toán		81.5	81.5			
513	1	24	HG0989	Đỗ Thị	Tuyết	24/07/1982	Nữ	1	An Hưng	TV		77	77.0	Trúng tuyển		
514	2	24	HG0990	Đỗ Thị Cẩm	Lệ	22/11/1987	Nữ	1	Đoàn Kết	TV		88	88.0	Trúng tuyển		
515	3	24	HG0992	Trần Thị Hải	Yến	20/03/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TV		69	69.0	Trúng tuyển		
516	4	24	HG0993	Nguyễn Thị	Hà	26/02/1986	Nữ	1	Lê Lợi	TV		73	73.0	Trúng tuyển		
517	5	24	HG0994	Lê Thị Anh	Chinh	26/10/1995	Nữ	1	Mậu Lương	TV		75.5	75.5	Trúng tuyển		
518	6	24	HG0997	Đào Thị	Luyến	11/12/1990	Nữ	1	Phú Lương II	TV		72	72.0	Trúng tuyển		
519	7	24	HG0998	Trần Thị	Giang	21/10/1989	Nữ	1	Văn Khê	TV		76	76.0	Trúng tuyển		
520	8	24	HG1000	Lê Thị Thu	Hương	28/05/1991	Nữ	2	Kiến Hưng	TV	DTTS	5.0	91	96.0	Trúng tuyển	
521	9	24	HG1001	Ngô Thị	Minh	17/11/1992	Nữ	2	Kiến Hưng	TV		69	69.0			

TT	STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
522	10	24	HG1002	Phạm Thị Thu	Hà	07/04/1996	Nữ	2	Mỗ Lao	TV			85	85.0	Trúng tuyển	
523	11	24	HG1003	Nguyễn Thị	Huế	12/10/1990	Nữ	2	Mỗ Lao	TV			77	77.0		
524	12	24	HG1004	Nguyễn Thị Thu	Hàng	09/01/1979	Nữ	2	Phú La	TV			79	79.0	Trúng tuyển	
525	13	24	HG1006	Lê Thị	Chính	17/02/1990	Nữ	2	Yên Nghĩa	TV			86	86.0	Trúng tuyển	
526	14	24	HG1007	Quách Thị Ngọc	Hải	14/06/1981	Nữ	2	Yên Nghĩa	TV			40	40.0		
527	15	24	HG1008	Vũ Thị	Biên	02/07/1987	Nữ	2	Đồng Mai	VT			76.5	76.5		
528	16	24	HG1009	Nguyễn Thị	Hường	16/10/1995	Nữ	2	Đồng Mai	VT			87	87.0	Trúng tuyển	
529	17	24	HG1011	Dương Thị Hồng	Nga	15/01/1989	Nữ	2	Đồng Mai	VT			75.25	75.3		
530	18	24	HG1012	Nguyễn Thị	Nhung	30/05/1989	Nữ	2	Dương Nội	VT			30	30.0		
531	19	24	HG1013	Lê Thị	Phượng	14/05/1994	Nữ	2	Dương Nội	VT			86.5	86.5	Trúng tuyển	
532	20	24	HG1014	Nguyễn Phượng	Anh	02/10/1993	Nữ	2	Phú Lương	VT			Bỏ thi			
533	21	24	HG1015	Phạm Thị	Hàng	02/12/1988	Nữ	2	Phú Lương	VT			68	68.0		
534	22	24	HG1018	Nguyễn Thị	Thùy	02/12/1991	Nữ	2	Phú Lương	VT			85	85.0	Trúng tuyển	
535	23	24	HG1023	Nguyễn Thị	Hòa	01/10/1984	Nữ	2	Trần Đăng Ninh	VT			84.5	84.5	Trúng tuyển	

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN HÀ ĐÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 5097/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Ủy ban nhân dân quận Hà Đông)

Cấp học: 0 - Mầm non; 1 - Tiểu học; 2 - THCS

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
1	1	HG0001	Trịnh Thị	Chinh	12/02/1998	Nữ	0	Ánh Dương	MN			81.5	81.5	Trúng tuyển	
2	1	HG0005	Nguyễn Thị	Quyên	10/04/1991	Nữ	0	Ánh Dương	MN			72.5	72.5	Trúng tuyển	
3	1	HG0006	Đỗ Thị Lệ	Thu	05/10/1996	Nữ	0	Ánh Dương	MN			73.5	73.5	Trúng tuyển	
4	1	HG0008	Vũ Thị Quỳnh	Trang	05/01/1994	Nữ	0	Ánh Dương	MN	CBB	5.0	80.5	85.5	Trúng tuyển	
5	1	HG0009	Đỗ Thị Lan	Anh	13/09/1993	Nữ	0	Bình Minh	MN			73.5	73.5	Trúng tuyển	
6	1	HG0011	Hoàng Thị	Hiệp	07/03/1983	Nữ	0	Bình Minh	MN			68.5	68.5	Trúng tuyển	
7	1	HG0012	Tạ Thu	Hoài	05/09/1996	Nữ	0	Bình Minh	MN			79	79.0	Trúng tuyển	
8	1	HG0013	Bùi Thị Kim	Hương	30/01/1993	Nữ	0	Bình Minh	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
9	1	HG0017	Nguyễn Thị	Quý	28/12/1992	Nữ	0	Bình Minh	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
10	1	HG0018	Nguyễn Ngọc Thu	Thảo	05/02/1995	Nữ	0	Bình Minh	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
11	1	HG0019	Hoàng Thị	Thảo	22/12/1981	Nữ	0	Bình Minh	MN			70	70.0	Trúng tuyển	
12	1	HG0021	Nguyễn Thị	Thương	22/03/1989	Nữ	0	Bình Minh	MN			86	86.0	Trúng tuyển	
13	1	HG0022	Nguyễn Thị Thanh	Vân	13/03/1992	Nữ	0	Bình Minh	MN			70.5	70.5	Trúng tuyển	
14	1	HG0024	Nguyễn Thúy	Hằng	24/11/1979	Nữ	0	Búp Sen Hồng	MN			75.5	75.5	Trúng tuyển	
15	1	HG0025	Nguyễn Phương	Linh	10/11/1996	Nữ	0	Búp Sen Hồng	MN			63	63.0	Trúng tuyển	
16	1	HG0033	Đặng Thị	Huyền	19/05/1996	Nữ	0	Dương Nội	MN			71.5	71.5	Trúng tuyển	
17	1	HG0034	Đặng Thị	Loan	27/04/1996	Nữ	0	Dương Nội	MN			60	60.0	Trúng tuyển	
18	1	HG0039	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	23/03/1987	Nữ	0	Dương Nội	MN			67	67.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
19	1	HG0040	Đoàn Thị Thu	Trang	Nữ	0	Dương Nội	MN			68	68.0	Trúng tuyển	
20	1	HG0094	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	0	Hoa Mai	MN			61.5	61.5	Trúng tuyển	
21	1	HG0096	Vũ Thị	Huyền	Nữ	0	Họa My	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
22	1	HG0098	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	0	Hoàng Hanh	MN			63	63.0	Trúng tuyển	
23	1	HG0104	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	0	Hương Sen	MN			80	80.0	Trúng tuyển	
24	1	HG0106	Trần Hà	Phượng	Nữ	0	Hương Sen	MN			63	63.0	Trúng tuyển	
25	2	HG0052	Hoàng Thị Mai	Anh	Nữ	0	Hàng Đào	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
26	2	HG0054	Khuất Thị Thùy	Dung	Nữ	0	Hàng Đào	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
27	2	HG0055	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	0	Hàng Đào	MN			82	82.0	Trúng tuyển	
28	2	HG0056	Hoàng Minh	Hải	Nữ	0	Hàng Đào	MN	CĐCĐ	5.0	68	73.0	Trúng tuyển	
29	2	HG0063	Phạm Diệu	Linh	Nữ	0	Hàng Đào	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
30	2	HG0067	Nguyễn Thị Kim	Mơ	Nữ	0	Hàng Đào	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
31	2	HG0068	Đỗ Kim	Ngân	Nữ	0	Hàng Đào	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
32	2	HG0069	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	0	Hàng Đào	MN			74	74.0	Trúng tuyển	
33	2	HG0073	Vũ Thị	Nhung	Nữ	0	Hàng Đào	MN			74	74.0	Trúng tuyển	
34	2	HG0079	Nguyễn Thị	Sao	Nữ	0	Hàng Đào	MN			78	78.0	Trúng tuyển	
35	2	HG0082	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	0	Hàng Đào	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
36	2	HG0092	Nguyễn Thị Tú	Uyên	Nữ	0	Hàng Đào	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
37	2	HG0110	Phạm Tú	Anh	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN			73.5	73.5	Trúng tuyển	
38	2	HG0111	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN			67.5	67.5	Trúng tuyển	
39	2	HG0112	Bùi Lan	Anh	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN			78.5	78.5	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
40	2	HG0118	Lê Thị	Hoa	29/09/1993	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		68.5	68.5	Trúng tuyển		
41	2	HG0122	Đặng Thị	Huyền	17/05/1996	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		76.5	76.5	Trúng tuyển		
42	2	HG0123	Nguyễn Thị	Khuyên	10/09/1990	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		67.5	67.5	Trúng tuyển		
43	2	HG0132	Ngô Thị	Thủy	22/06/1989	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		70	70.0	Trúng tuyển		
44	2	HG0133	Nguyễn Thị	Tú	23/09/1979	Nữ	0	Huyền Kỳ	MN		67	67.0	Trúng tuyển		
45	3	HG0138	Cao Thị	Phương	19/11/1996	Nữ	0	Kiến Hưng	MN		81	81.0	Trúng tuyển		
46	3	HG0139	Hoàng Thị Vân	Anh	12/02/1986	Nữ	0	Kim Đồng	MN	DTTS	5.0	75.75	80.8	Trúng tuyển	
47	3	HG0149	Nguyễn Thị	Huyền	26/10/1982	Nữ	0	La Dương	MN		66.25	66.3	Trúng tuyển		
48	3	HG0150	Nguyễn Thị	Ngân	11/12/1996	Nữ	0	La Dương	MN		78.5	78.5	Trúng tuyển		
49	3	HG0153	Hứa Thu	Hà	27/04/1981	Nữ	0	La Khê	MN		79.75	79.8	Trúng tuyển		
50	3	HG0157	Lê Thị	Ánh	15/08/1978	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		70.5	70.5	Trúng tuyển		
51	3	HG0160	Nguyễn Hồng	Diệp	23/03/1987	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		79.25	79.3	Trúng tuyển		
52	3	HG0162	Dương Thị Hồng	Hà	01/06/1997	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		73.75	73.8	Trúng tuyển		
53	3	HG0163	Lã Thị	Hà	12/07/1988	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN	CBB	5.0	74.75	79.8	Trúng tuyển	
54	3	HG0165	Đặng Thu	Hạ	03/07/1995	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		66.75	66.8	Trúng tuyển		
55	3	HG0170	Vũ Thị	Hiền	05/04/1989	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		68.75	68.8	Trúng tuyển		
56	3	HG0171	Nguyễn Thị	Hoàn	26/09/1996	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		74.25	74.3	Trúng tuyển		
57	3	HG0175	Nguyễn Thị	Lan	06/11/1994	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		79	79.0	Trúng tuyển		
58	3	HG0177	Nguyễn Thị Khánh	Linh	14/08/1998	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		79	79.0	Trúng tuyển		
59	3	HG0180	Nguyễn Thị Thúy	Nga	08/11/1987	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		79.75	79.8	Trúng tuyển		
60	3	HG0181	Ngô Thị	Ngọc	22/02/1995	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN		80.5	80.5	Trúng tuyển		

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
61	3	HG0184	Lê Thị Tuyết	Nhung	12/10/1990	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			73.5	73.5	Trúng tuyển	
62	3	HG0196	Nguyễn Thị	Thùy	28/09/1992	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			52	52.0	Trúng tuyển	
63	3	HG0199	Vũ Thị	Tươi	15/08/1986	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			79.5	79.5	Trúng tuyển	
64	3	HG0200	Bùi Thị	Tuyên	05/07/1990	Nữ	0	Lê Quý Đôn	MN			78.5	78.5	Trúng tuyển	
65	4	HG0208	Hoàng Ngọc	Anh	08/03/1997	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			68	68.0	Trúng tuyển	
66	4	HG0213	Nguyễn Thị	Giang	12/07/1988	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
67	4	HG0214	Phạm Thị	Hà	24/10/1985	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
68	4	HG0222	Hoàng Thị	Họa	21/04/1985	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
69	4	HG0232	Trịnh Thị	Hương	05/12/1983	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
70	4	HG0233	Ngô Thị	Huyền	28/09/1997	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
71	4	HG0241	Nguyễn Thị	Loan	10/12/1990	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
72	4	HG0249	Phan Thị	Mến	27/11/1996	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
73	4	HG0252	Nguyễn Thị	Mơ	26/02/1988	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
74	4	HG0254	Phạm Trà	My	03/11/1994	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
75	4	HG0266	Nguyễn Thị	Son	25/11/1993	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	
76	4	HG0272	Vũ Thị	Thu	25/07/1993	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			73	73.0	Trúng tuyển	
77	4	HG0285	Nguyễn Thị	Tùng	25/02/1988	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			78	78.0	Trúng tuyển	
78	4	HG0288	Lê Thị Hải	Vân	05/02/1994	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			70	70.0	Trúng tuyển	
79	4	HG0289	Nguyễn Thị	Vinh	20/10/1993	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
80	4	HG0290	Đặng Thu	Vĩnh	03/07/1995	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
81	4	HG0293	Nguyễn Ngọc	Yến	01/10/1995	Nữ	0	Lê Trọng Tấn	MN			77	77.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
82	5	HG0296	Hoàng Thị Dung	02/08/1986	Nữ	0	Mậu Lương	MN			69	69.0	Trúng tuyển	
83	5	HG0298	Đào Thị Hồng	25/05/1997	Nữ	0	Mậu Lương	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
84	5	HG0304	Phan Thị Ánh Ngọc	05/10/1996	Nữ	0	Mậu Lương	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
85	5	HG0312	Ngô Thị Dịu	19/10/1994	Nữ	0	Nguyễn Trãi	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
86	5	HG0313	Đỗ Lệ Quyên	13/12/1986	Nữ	0	Nguyễn Trãi	MN			81	81.0	Trúng tuyển	
87	5	HG0315	Nguyễn Thị Hiền	22/02/1996	Nữ	0	Phú La	MN			82	82.0	Trúng tuyển	
88	5	HG0317	Lê Thị Quỳnh Nga	25/09/1994	Nữ	0	Phú La	MN			72	72.0	Trúng tuyển	
89	5	HG0320	Bùi Thu Trang	24/07/1990	Nữ	0	Phú La	MN			65	65.0	Trúng tuyển	
90	5	HG0322	Phạm Thị Thêu	24/05/1994	Nữ	0	Quang Trung	MN			75	75.0	Trúng tuyển	
91	5	HG0324	Nguyễn Thị Tú Anh	30/07/1996	Nữ	0	Sen Hồng	MN			67.5	67.5	Trúng tuyển	
92	5	HG0326	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/06/1992	Nữ	0	Sen Hồng	MN			70	70.0	Trúng tuyển	
93	5	HG0327	Trần Thị Hậu	27/08/1996	Nữ	0	Sen Hồng	MN			51	51.0	Trúng tuyển	
94	5	HG0335	Trần Thị Phương Quế	27/07/1995	Nữ	0	Sen Hồng	MN			60.5	60.5	Trúng tuyển	
95	5	HG0339	Nguyễn Thị Vy	10/07/1996	Nữ	0	Sen Hồng	MN			71	71.0	Trúng tuyển	
96	5	HG0341	Phạm Thị Quyên	12/10/1982	Nữ	0	Sơn Ca	MN			82	82.0	Trúng tuyển	
97	5	HG0342	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	08/04/1993	Nữ	0	Sơn Ca	MN			70.5	70.5	Trúng tuyển	
98	6	HG0344	Phạm Thị An	28/12/1983	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			61.5	61.5	Trúng tuyển	
99	6	HG0347	Nguyễn Thị Anh	14/03/1990	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			76.5	76.5	Trúng tuyển	
100	6	HG0349	Nguyễn Nam Bắc	24/11/1997	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			62	62.0	Trúng tuyển	
101	6	HG0352	Nguyễn Thị Duyên	23/09/1985	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			80.5	80.5	Trúng tuyển	
102	6	HG0360	Tạ Thị Thu Hiền	02/05/1991	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN			85.5	85.5	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
103	6	HG0362	Đặng Thị	Hoan	19/07/1996	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		68	68.0	Trúng tuyển	
104	6	HG0363	Vũ Thị	Hồng	15/05/1987	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		80.5	80.5	Trúng tuyển	
105	6	HG0364	Hoàng Thị Thu	Hương	13/10/1995	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		77	77.0	Trúng tuyển	
106	6	HG0365	Nguyễn Thị	Hương	10/01/1989	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		76	76.0	Trúng tuyển	
107	6	HG0372	Bùi Thị Thùy	Linh	28/10/1994	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		58.5	58.5	Trúng tuyển	
108	6	HG0373	Nguyễn Thị	Linh	15/04/1997	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		51	51.0	Trúng tuyển	
109	6	HG0377	Lê Tuyết	Mai	07/03/1995	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		75	75.0	Trúng tuyển	
110	6	HG0380	Nguyễn Thị	Nga	12/03/1991	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		71.5	71.5	Trúng tuyển	
111	6	HG0384	Nguyễn Thị	Nhị	06/07/1990	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		82.5	82.5	Trúng tuyển	
112	6	HG0390	Đỗ Thị	Thảo	20/02/1993	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		73	73.0	Trúng tuyển	
113	6	HG0391	Dư Thị	Thảo	27/02/1993	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		78.5	78.5	Trúng tuyển	
114	6	HG0394	Đỗ Thị	Thu	09/03/1997	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		82.5	82.5	Trúng tuyển	
115	6	HG0396	Lê Hồng	Thuy	07/12/1989	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		77	77.0	Trúng tuyển	
116	6	HG0399	Nguyễn Thị Kim	Trang	11/07/1995	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		75	75.0	Trúng tuyển	
117	6	HG0402	Văn Thị	Út	23/04/1992	Nữ	0	Trần Quốc Toàn	MN		67	67.0	Trúng tuyển	
118	6	HG0413	Bùi Thị	Thanh	06/02/1993	Nữ	0	Yên Nghĩa I	MN		77	77.0	Trúng tuyển	
119	6	HG0414	Nguyễn Thị Trang	Thu	15/07/1992	Nữ	0	Yên Nghĩa I	MN		65	65.0	Trúng tuyển	
120	6	HG0416	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/06/1995	Nữ	0	Yết Kiêu	MN		69.5	69.5	Trúng tuyển	
121	7	HG0420	Văn Thị	Nga	08/03/1996	Nữ	1	An Hưng	GDTC		51	51.0	Trúng tuyển	
122	7	HG0423	Phan Trường	Giang	03/07/1991	Nam	1	Kiến Hưng	GDTC		82.5	82.5	Trúng tuyển	
123	7	HG0432	Đỗ Hà	My	13/01/1994	Nữ	1	Văn Khê	GDTC		90	90.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
124	7	HG0439	Trần Thị	Phượng	17/02/1985	Nữ	1	Kiến Hưng	Họa			76.5	76.5	Trúng tuyển	
125	7	HG0441	Lê Thu	Hằng	22/03/1996	Nữ	1	Lê Hồng Phong	Họa			67	67.0	Trúng tuyển	
126	7	HG0443	Nguyễn Thị	Đào	03/09/1991	Nữ	1	Lê Quý Đôn	Họa			61.5	61.5	Trúng tuyển	
127	7	HG0444	Nguyễn Thị	Hương	20/09/1986	Nữ	1	Lê Quý Đôn	Họa			70.5	70.5	Trúng tuyển	
128	7	HG0447	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/04/1990	Nữ	1	Mậu Lương	Họa			68.5	68.5	Trúng tuyển	
129	7	HG0449	Đỗ Thị	Cúc	16/05/1990	Nữ	1	Nguyễn Trãi	Họa			75.5	75.5	Trúng tuyển	
130	7	HG0450	Đinh Thùy	Linh	22/09/1991	Nữ	1	Biên Giang	Nhạc	DTTS	5.0	83.5	88.5	Trúng tuyển	
131	7	HG0453	Nguyễn Thị	Ngọc	14/09/1987	Nữ	1	Dương Nội A	Nhạc			94	94.0	Trúng tuyển	
132	7	HG0456	Đoàn Diệu	Thoa	02/09/1986	Nữ	1	Kiến Hưng	Nhạc			83	83.0	Trúng tuyển	
133	7	HG0459	Trần Quỳnh	Anh	22/02/1995	Nữ	1	Phú Lương I	Nhạc			86.5	86.5	Trúng tuyển	
134	7	HG0460	Nguyễn Thị	Chung	29/04/1990	Nữ	1	Phú Lương I	Nhạc			94.5	94.5	Trúng tuyển	
135	7	HG0779	Trần Thị	Ngọc	22/03/1991	Nữ	1	Đồng Mai I	Tin			81	81.0	Trúng tuyển	
136	7	HG0781	Đinh Thị	Hiền	06/04/1989	Nữ	1	Lê Lợi	Tin			78	78.0	Trúng tuyển	
137	7	HG0784	Nguyễn Thị Hà	Ly	06/07/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	Tin			75.5	75.5	Trúng tuyển	
138	7	HG0786	Nguyễn Phương	Quỳnh	13/12/1996	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	Tin			73.5	73.5	Trúng tuyển	
139	7	HG0790	Nguyễn Thị	Trang	10/12/1991	Nữ	1	Nguyễn Du	Tin			87.5	87.5	Trúng tuyển	
140	7	HG0791	Đào Thị Vân	Anh	29/02/1996	Nữ	1	Phú La	Tin			79.5	79.5	Trúng tuyển	
141	7	HG0795	Nguyễn Hữu	Tùng	26/05/1996	Nam	1	Trần Quốc Toàn	Tin			62	62.0	Trúng tuyển	
142	7	HG0796	Quách Thị Quỳnh	Trang	17/02/1995	Nữ	1	Văn Yên	Tin			82	82.0	Trúng tuyển	
143	8	HG0464	Trần Thị	Chăm	23/09/1990	Nữ	1	An Hưng	TH			61	61.0	Trúng tuyển	
144	8	HG0465	Nguyễn Thanh	Hương	08/08/1994	Nữ	1	An Hưng	TH			50	50.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
145	8	HG0468	Phạm Thị	Nguyệt	22/07/1991	Nữ	1	An Hưng	TH		58	58.0	Trúng tuyển		
146	8	HG0472	Vương Thị	Tuyền	21/04/1995	Nữ	1	An Hưng	TH		50	50.0	Trúng tuyển		
147	8	HG0473	Đỗ Thị	Xuân	01/01/1990	Nữ	1	An Hưng	TH		78	78.0	Trúng tuyển		
148	8	HG0475	Đinh Thu	Hoàn	08/11/1997	Nữ	1	Biên Giang	TH	DTTS	5.0	78	83.0	Trúng tuyển	
149	8	HG0476	Lê Thị Thảo	Ngọc	26/02/1996	Nữ	1	Biên Giang	TH		84	84.0	Trúng tuyển		
150	8	HG0477	Nguyễn Thanh	Thùy	15/04/1991	Nữ	1	Biên Giang	TH		77	77.0	Trúng tuyển		
151	8	HG0480	Nguyễn Thanh	Mai	08/11/1996	Nữ	1	Đoàn Kết	TH		86	86.0	Trúng tuyển		
152	8	HG0481	Nguyễn Thị	Phi	12/11/1995	Nữ	1	Đoàn Kết	TH		81	81.0	Trúng tuyển		
153	8	HG0483	Nguyễn Thị	Hường	04/04/1996	Nữ	1	Đồng Mai I	TH		75	75.0	Trúng tuyển		
154	8	HG0485	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/05/1997	Nữ	1	Đồng Mai I	TH		86	86.0	Trúng tuyển		
155	8	HG0486	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/12/1992	Nữ	1	Đồng Mai I	TH		73	73.0	Trúng tuyển		
156	8	HG0487	Hà Thị	Phương	28/07/1992	Nữ	1	Đồng Mai I	TH	DTTS	5.0	74	79.0	Trúng tuyển	
157	8	HG0488	Nguyễn Thùy	Trang	21/11/1989	Nữ	1	Đồng Mai I	TH		77	77.0	Trúng tuyển		
158	9	HG0491	Nguyễn Văn	Anh	25/01/1994	Nữ	1	Đồng Mai II	TH		64	64.0	Trúng tuyển		
159	9	HG0492	Đặng Thị	Khánh	24/04/1993	Nữ	1	Đồng Mai II	TH		71	71.0	Trúng tuyển		
160	9	HG0494	Vũ Thị Hương	Ly	07/09/1997	Nữ	1	Đồng Mai II	TH		50	50.0	Trúng tuyển		
161	9	HG0496	Phạm Thị	Quyên	12/09/1994	Nữ	1	Đồng Mai II	TH		68	68.0	Trúng tuyển		
162	9	HG0497	Nguyễn Thị	Thắm	17/05/1996	Nữ	1	Đồng Mai II	TH		73	73.0	Trúng tuyển		
163	9	HG0500	Lê Thanh	Thùy	13/01/1997	Nữ	1	Đồng Mai II	TH		63	63.0	Trúng tuyển		
164	9	HG0501	Nguyễn Thị Hồng	Vui	18/05/1996	Nữ	1	Đồng Mai II	TH		67	67.0	Trúng tuyển		
165	9	HG0504	Đỗ Thị Phương	Thảo	13/04/1993	Nữ	1	Dương Nội A	TH		69	69.0	Trúng tuyển		

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
166	9	HG0505	Nguyễn Cẩm	Tú	14/08/1997	Nữ	1	Dương Nội A	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
167	9	HG0507	Nguyễn Thị	Vĩnh	28/09/1994	Nữ	1	Dương Nội A	TH			76	76.0	Trúng tuyển	
168	9	HG0508	Khuất Thị Vân	Anh	08/05/1992	Nữ	1	Dương Nội B	TH			54	54.0	Trúng tuyển	
169	9	HG0509	Nguyễn Thị Trà	My	04/06/1996	Nữ	1	Dương Nội B	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
170	9	HG0510	Nguyễn Thị	Nhài	09/01/1995	Nữ	1	Dương Nội B	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
171	9	HG0511	Nguyễn Thị Bích	Phương	30/05/1994	Nữ	1	Dương Nội B	TH			81	81.0	Trúng tuyển	
172	9	HG0512	Nguyễn Thanh	Tâm	31/03/1995	Nữ	1	Dương Nội B	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
173	9	HG0701	Bùi Thị	Anh	22/03/1995	Nữ	1	Phú Lương II	TH			91	91.0	Trúng tuyển	
174	9	HG0704	Bùi Thị	Hoa	22/01/1993	Nữ	1	Phú Lương II	TH			56	56.0	Trúng tuyển	
175	9	HG0705	Bùi Thị	Huế	11/10/1998	Nữ	1	Phú Lương II	TH			58.5	58.5	Trúng tuyển	
176	9	HG0708	Ngô Nguyễn Hồng	Liên	20/02/1994	Nữ	1	Phú Lương II	TH			61.5	61.5	Trúng tuyển	
177	9	HG0710	Nguyễn Thị	Mùi	03/08/1995	Nữ	1	Phú Lương II	TH			71	71.0	Trúng tuyển	
178	9	HG0711	Trần Thị Hằng	Nga	09/12/1996	Nữ	1	Phú Lương II	TH			67	67.0	Trúng tuyển	
179	9	HG0712	Nguyễn Thị	Ngọc	26/03/1996	Nữ	1	Phú Lương II	TH			59	59.0	Trúng tuyển	
180	9	HG0713	Phạm Thị	Quyên	12/08/1995	Nữ	1	Phú Lương II	TH			72	72.0	Trúng tuyển	
181	9	HG0714	Nguyễn Phương	Thảo	31/01/1996	Nữ	1	Phú Lương II	TH			61	61.0	Trúng tuyển	
182	9	HG0715	Lưu Thị	Thu	12/04/1992	Nữ	1	Phú Lương II	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
183	9	HG0716	Bùi Thị	Trang	26/05/1995	Nữ	1	Phú Lương II	TH			75	75.0	Trúng tuyển	
184	9	HG0717	Ngô Thị	Tuyền	09/05/1987	Nữ	1	Phú Lương II	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
185	10	HG0523	Phạm Thanh	Dung	23/07/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
186	10	HG0524	Hà Thu	Giang	13/10/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			76	76.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
187	10	HG0526	Vũ Thị Thu	Hà	20/03/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
188	10	HG0527	Bùi Thu	Hằng	20/10/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
189	10	HG0530	Nguyễn Thị	Hồng	04/08/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
190	10	HG0532	Lê Thị	Hương	15/12/1994	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			82	82.0	Trúng tuyển	
191	10	HG0535	Phạm Thị Ngọc	Huyền	26/05/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			72	72.0	Trúng tuyển	
192	10	HG0536	Hoàng Khánh	Huyền	23/03/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
193	10	HG0537	Nguyễn Thùy	Linh	10/02/1997	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			72.5	72.5	Trúng tuyển	
194	11	HG0541	Nguyễn Thị Thùy	Linh	23/05/1994	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
195	11	HG0543	Phạm Thanh	Mai	24/09/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
196	11	HG0547	Nguyễn Phương	Nhung	23/03/1993	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
197	11	HG0556	Phạm Thị	Quyển	18/05/1994	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
198	11	HG0558	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	07/01/1996	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			79.5	79.5	Trúng tuyển	
199	11	HG0567	Hà Thị Thùy	Trinh	01/03/1983	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
200	11	HG0568	Lê Thị	Tươi	26/04/1990	Nữ	1	Kiến Hưng	TH			71	71.0	Trúng tuyển	
201	12	HG0571	Vũ Thị Khánh	Huyền	24/11/1997	Nữ	1	Kim Đồng	TH			82	82.0	Trúng tuyển	
202	12	HG0572	Đặng Thị	Nhung	30/09/1997	Nữ	1	Kim Đồng	TH			86	86.0	Trúng tuyển	
203	12	HG0573	Kim Thị	Nương	22/04/1992	Nữ	1	Kim Đồng	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
204	12	HG0574	Đào Nhân	Phi	23/03/1996	Nữ	1	Kim Đồng	TH			80	80.0	Trúng tuyển	
205	12	HG0575	Nguyễn Thị	Quyên	14/11/1994	Nữ	1	Kim Đồng	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
206	12	HG0576	Ngô Thị	Quỳnh	01/12/1997	Nữ	1	Kim Đồng	TH			87	87.0	Trúng tuyển	
207	12	HG0577	Lê Thị Thanh	Thảo	31/12/1994	Nữ	1	Kim Đồng	TH			87	87.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
208	12	HG0580	Nguyễn Thị	Toán	13/11/1996	Nữ	1	Kim Đồng	TH		83	83.0	Trúng tuyển	
209	12	HG0581	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31/05/1994	Nữ	1	Kim Đồng	TH		83	83.0	Trúng tuyển	
210	12	HG0582	Nguyễn Hoàng	Yến	15/05/1995	Nữ	1	Kim Đồng	TH		80	80.0	Trúng tuyển	
211	12	HG0584	Nguyễn Thị Thu	Hằng	24/08/1986	Nữ	1	Lê Hồng Phong	TH		75	75.0	Trúng tuyển	
212	12	HG0585	Nguyễn Thị Thúy	An	25/05/1994	Nữ	1	Lê Lợi	TH		56	56.0	Trúng tuyển	
213	12	HG0586	Lưu Thị Đà	Giang	29/12/1995	Nữ	1	Lê Lợi	TH		68	68.0	Trúng tuyển	
214	12	HG0589	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	04/12/1994	Nữ	1	Lê Lợi	TH		63	63.0	Trúng tuyển	
215	12	HG0590	Phạm Ngọc	Minh	23/12/1995	Nữ	1	Lê Lợi	TH		65	65.0	Trúng tuyển	
216	12	HG0718	Lưu Thị Thúy	Hằng	18/12/1991	Nữ	1	Trần Đăng Ninh	TH		59	59.0	Trúng tuyển	
217	12	HG0723	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	20/02/1992	Nữ	1	Trần Phú	TH		78	78.0	Trúng tuyển	
218	12	HG0724	Nguyễn Thu	Thảo	28/08/1996	Nữ	1	Trần Phú	TH		75	75.0	Trúng tuyển	
219	13	HG0592	Bùi Thị Lan	Anh	28/10/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		65	65.0	Trúng tuyển	
220	13	HG0599	Cần Thị Ngọc	Ánh	11/01/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		65	65.0	Trúng tuyển	
221	13	HG0601	Bùi Thị	Chinh	26/08/1997	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		66	66.0	Trúng tuyển	
222	13	HG0602	Nguyễn Thị	Doan	15/05/1995	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		71	71.0	Trúng tuyển	
223	13	HG0607	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/04/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		66	66.0	Trúng tuyển	
224	13	HG0608	Hoàng Thị	Hương	29/03/1984	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		64	64.0	Trúng tuyển	
225	13	HG0612	Nguyễn Thị Sáu	Lan	25/08/1982	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		64	64.0	Trúng tuyển	
226	13	HG0613	Mai Thùy	Linh	02/10/1995	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		69	69.0	Trúng tuyển	
227	13	HG0616	Nguyễn Thị Hà	My	24/06/1997	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		69	69.0	Trúng tuyển	
228	13	HG0618	Tạ Thị	Nga	22/11/1994	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH		66	66.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
229	13	HG0622	Ngô Thị Hồng	Nhung	21/10/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH	CĐCĐ	5.0	66	71.0	Trúng tuyển	
230	13	HG0623	Nguyễn Thị	Oanh	04/10/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
231	13	HG0626	Hà Thị Thu	Quỳnh	27/11/1993	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
232	13	HG0631	Nguyễn Thị	Thu	06/05/1979	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
233	13	HG0633	Đặng Thị	Thùy	14/07/1991	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			72	72.0	Trúng tuyển	
234	13	HG0637	Trần Phương	Trinh	27/02/1996	Nữ	1	Lê Quý Đôn	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
235	14	HG0641	Vũ Thị	Hoa	04/09/1992	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
236	14	HG0642	Nguyễn Thu	Hương	29/08/1998	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	TH			53	53.0	Trúng tuyển	
237	14	HG0643	Lê Thị Kiều	Oanh	14/03/1997	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
238	14	HG0644	Bùi Thị	Tinh	17/03/1985	Nữ	1	Lê Trọng Tấn	TH			62	62.0	Trúng tuyển	
239	14	HG0645	Đào Thị	Hằng	09/03/1990	Nữ	1	Mậu Lương	TH	CNTB	5.0	61	66.0	Trúng tuyển	
240	14	HG0649	Phạm Thị Thu	Hương	27/03/1994	Nữ	1	Mậu Lương	TH			64	64.0	Trúng tuyển	
241	14	HG0650	Trần Thị Minh	Ngọc	13/04/1993	Nữ	1	Mậu Lương	TH			76	76.0	Trúng tuyển	
242	14	HG0651	Lê Hà	Phương	24/10/1995	Nữ	1	Mậu Lương	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
243	14	HG0653	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	10/08/1996	Nữ	1	Mậu Lương	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
244	14	HG0655	Nguyễn Diệu	Thúy	22/03/1996	Nữ	1	Mậu Lương	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
245	14	HG0658	Nguyễn Thị Linh	Chi	24/12/1995	Nữ	1	Nguyễn Trãi	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
246	14	HG0662	Dương Ngọc	Tú	27/09/1998	Nữ	1	Nguyễn Trãi	TH			61	61.0	Trúng tuyển	
247	14	HG0663	Lê Thị Phương	Anh	14/02/1996	Nữ	1	Phú La	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
248	14	HG0665	Chữ Thị Mỹ	Hạnh	08/09/1996	Nữ	1	Phú La	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
249	14	HG0667	Hoàng Thị	Hòa	12/11/1991	Nữ	1	Phú La	TH			66	66.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
250	14	HG0668	Đào Thị Nhật	Lệ	13/12/1993	Nữ	1	Phú La	TH			63	63.0	Trúng tuyển	
251	14	HG0669	Nguyễn Thị Mai	Phương	17/05/1991	Nữ	1	Phú La	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
252	14	HG0670	Nguyễn Thị	Thúy	12/07/1993	Nữ	1	Phú la	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
253	15	HG0672	Dương Nguyệt	Anh	14/12/1996	Nữ	1	Phú Lãm	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
254	15	HG0673	Phùng Thị	Dinh	07/09/1994	Nữ	1	Phú Lãm	TH			63	63.0	Trúng tuyển	
255	15	HG0674	Phạm Thị	Duyên	23/02/1997	Nữ	1	Phú Lãm	TH			70	70.0	Trúng tuyển	
256	15	HG0675	Ngô Thị Thu	Hà	06/11/1997	Nữ	1	Phú Lãm	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
257	15	HG0676	Lê Thị	Hà	01/10/1993	Nữ	1	Phú Lãm	TH			60	60.0	Trúng tuyển	
258	15	HG0677	Nguyễn Thị	Hạnh	28/01/1996	Nữ	1	Phú Lãm	TH			61	61.0	Trúng tuyển	
259	15	HG0678	Nguyễn Thị	Huệ	04/04/1997	Nữ	1	Phú Lãm	TH			72	72.0	Trúng tuyển	
260	15	HG0679	Bùi Thị	Hương	24/03/1994	Nữ	1	Phú Lãm	TH			65	65.0	Trúng tuyển	
261	15	HG0681	Nguyễn Thị	Nga	22/06/1997	Nữ	1	Phú Lãm	TH			69	69.0	Trúng tuyển	
262	15	HG0682	Đức Thị	Ngọc	25/11/1997	Nữ	1	Phú Lãm	TH			72	72.0	Trúng tuyển	
263	15	HG0683	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19/04/1995	Nữ	1	Phú Lãm	TH			61	61.0	Trúng tuyển	
264	15	HG0685	Tường Thị	Trang	25/05/1996	Nữ	1	Phú Lãm	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
265	15	HG0686	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/08/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH			51	51.0	Trúng tuyển	
266	15	HG0687	Đặng Thị	Bảo	14/04/1997	Nữ	1	Phú Lương I	TH			64	64.0	Trúng tuyển	
267	15	HG0689	Đỗ Thị	Duyên	03/04/1994	Nữ	1	Phú Lương I	TH			72	72.0	Trúng tuyển	
268	15	HG0690	Thạc Thị	Hằng	05/04/1997	Nữ	1	Phú Lương I	TH			55	55.0	Trúng tuyển	
269	15	HG0693	Lê Thị	Nhung	16/01/1997	Nữ	1	Phú Lương I	TH			64	64.0	Trúng tuyển	
270	15	HG0695	Đào Thị Thanh	Quyên	16/04/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH			81	81.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
271	15	HG0696	Bùi Thị Thúy	Sinh	28/05/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH	DTTS	5.0	56	61.0	Trúng tuyển	
272	15	HG0697	Phùng Thị	Thắng	26/02/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH			67	67.0	Trúng tuyển	
273	15	HG0699	Đào Thị	Thùy	29/07/1996	Nữ	1	Phú Lương I	TH			71	71.0	Trúng tuyển	
274	16	HG0725	Nguyễn Thị	Ánh	22/09/1997	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
275	16	HG0726	Bùi Thị	Ánh	13/02/1994	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			76	76.0	Trúng tuyển	
276	16	HG0730	Trịnh Thị	Hoa	08/11/1996	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			82	82.0	Trúng tuyển	
277	16	HG0731	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	01/09/1994	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH	CTB	5.0	61	66.0	Trúng tuyển	
278	16	HG0732	Ngô Thị	Liên	01/03/1990	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			80	80.0	Trúng tuyển	
279	16	HG0733	Đinh Hồng	Lý	18/11/1997	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
280	16	HG0735	Ngô Thị Thanh	Nhàn	20/09/1997	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			66	66.0	Trúng tuyển	
281	16	HG0736	Nguyễn Thu	Phương	28/11/1996	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
282	16	HG0737	Nguyễn Thị	Thủy	27/01/1996	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			73	73.0	Trúng tuyển	
283	16	HG0739	Nguyễn Thị	Tú	20/05/1991	Nữ	1	Trần Quốc Toàn	TH			85	85.0	Trúng tuyển	
284	16	HG0740	Phạm Ngọc	Anh	20/11/1994	Nữ	1	Văn Khê	TH			81	81.0	Trúng tuyển	
285	16	HG0741	Trịnh Thu	Hằng	25/08/1995	Nữ	1	Văn Khê	TH			87	87.0	Trúng tuyển	
286	16	HG0742	Đặng Thị	Quyên	07/10/1997	Nữ	1	Văn Khê	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
287	16	HG0743	Hà Thị Ánh	Tuyết	26/09/1984	Nữ	1	Văn Khê	TH			78	78.0	Trúng tuyển	
288	16	HG0744	Lê Thị Hải	Yên	10/10/1995	Nữ	1	Văn Khê	TH			84	84.0	Trúng tuyển	
289	16	HG0745	Lương Thị	Dung	03/06/1996	Nữ	1	Vạn Phúc	TH			68	68.0	Trúng tuyển	
290	16	HG0747	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	15/11/1996	Nữ	1	Vạn Phúc	TH			84	84.0	Trúng tuyển	
291	16	HG0748	Nguyễn Bích	Liên	23/11/1996	Nữ	1	Vạn Phúc	TH			67	67.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
292	16	HG0749	Lê Thị	Quyên	14/10/1996	Nữ	1	Vạn Phúc	TH		70	70.0	Trúng tuyển		
293	16	HG0750	Nguyễn Thu	Thảo	30/07/1993	Nữ	1	Vạn Phúc	TH		88	88.0	Trúng tuyển		
294	17	HG0751	Tô Thị	An	05/08/1988	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		66	66.0	Trúng tuyển		
295	17	HG0752	Phạm Thị	Duyên	13/01/1988	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		71	71.0	Trúng tuyển		
296	17	HG0753	Nguyễn Thị	Hà	05/02/1990	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		61	61.0	Trúng tuyển		
297	17	HG0754	Cao Thị	Hoa	26/02/1991	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		75	75.0	Trúng tuyển		
298	17	HG0755	K Thị Xuân	Hương	22/08/1995	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH	DTTS	5.0	64	69.0	Trúng tuyển	
299	17	HG0757	Ngô Thị	My	25/03/1996	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		70	70.0	Trúng tuyển		
300	17	HG0758	Lê Thị Thúy	Oanh	22/02/1997	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		69	69.0	Trúng tuyển		
301	17	HG0759	Mai Lê Hồng	Phượng	28/06/1999	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		62	62.0	Trúng tuyển		
302	17	HG0760	Nguyễn Thị	Quỳnh	11/10/1997	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		69	69.0	Trúng tuyển		
303	17	HG0762	Bùi Minh	Thư	22/11/1997	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH		67	67.0	Trúng tuyển		
304	17	HG0765	Hà Thị	Trang	12/12/1992	Nữ	1	Yên Nghĩa	TH	DTTS	5.0	58	63.0	Trúng tuyển	
305	17	HG0767	Lê Khánh	Hằng	26/03/1997	Nữ	1	Yết Kiêu	TH		69	69.0	Trúng tuyển		
306	17	HG0769	Phạm Thị	Hương	28/07/1978	Nữ	1	Yết Kiêu	TH	CĐCĐ	5.0	71	76.0	Trúng tuyển	
307	17	HG0772	Bùi Thị	Luận	27/01/1991	Nữ	1	Yết Kiêu	TH	DTTS	5.0	71	76.0	Trúng tuyển	
308	17	HG0774	Nguyễn Thị Minh	Trang	04/11/1990	Nữ	1	Yết Kiêu	TH		76	76.0	Trúng tuyển		
309	17	HG0775	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/03/1995	Nữ	1	Yết Kiêu	TH		63	63.0	Trúng tuyển		
310	18	HG0798	Nguyễn Thị	Tuyết	16/06/1993	Nữ	2	Kiến Hưng	Địa		61	61.0	Trúng tuyển		
311	18	HG0799	Nguyễn Thị Hải	Yến	08/07/1991	Nữ	2	Lê Hồng Phong	Địa		76.5	76.5	Trúng tuyển		
312	18	HG0801	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/08/1994	Nữ	2	Lê Lợi	Địa		93.5	93.5	Trúng tuyển		

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
313	18	HG0809	Nguyễn Đình Nhã	25/04/1989	Nam	2	Lê Quý Đôn	Địa			85	85.0	Trúng tuyển	
314	18	HG0812	Nguyễn Thị Mai	28/03/1997	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Địa			86.5	86.5	Trúng tuyển	
315	18	HG0813	Đinh Thị Vân	09/09/1992	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Địa			93	93.0	Trúng tuyển	
316	18	HG0814	Nguyễn Hồng Hải	22/08/1997	Nam	2	Phú Lương	Địa			83.5	83.5	Trúng tuyển	
317	18	HG0820	Nguyễn Thị Nga	02/02/1994	Nữ	2	Phú Lương	Địa			76.5	76.5	Trúng tuyển	
318	18	HG0821	Hoàng Thị Hồng Thắm	17/09/1993	Nữ	2	Phú Lương	Địa			86	86.0	Trúng tuyển	
319	18	HG0823	Nguyễn Thị Thúy	14/05/1992	Nữ	2	Phú Lương	Địa			77	77.0	Trúng tuyển	
320	18	HG0826	Võ Ngọc Huyền	07/07/1997	Nữ	2	Trần Đăng Ninh	Địa			61	61.0	Trúng tuyển	
321	18	HG0827	Nguyễn Thị Thu	13/01/1995	Nữ	2	Trần Đăng Ninh	Địa			77.5	77.5	Trúng tuyển	
322	18	HG0828	Nguyễn Thị Oanh	10/04/1986	Nữ	2	Văn Yên	Địa	CTB	5.0	77.5	82.5	Trúng tuyển	
323	18	HG0829	Ngô Thị Khánh Linh	02/12/1993	Nữ	2	Yên Nghĩa	Địa			82.5	82.5	Trúng tuyển	
324	18	HG0830	Đinh Thị Mai Phương	10/09/1989	Nữ	2	Yên Nghĩa	Địa			74.5	74.5	Trúng tuyển	
325	18	HG0947	Phạm Thị Hoạt	06/03/1986	Nữ	2	Đồng Mai	Sử			71.5	71.5	Trúng tuyển	
326	18	HG0948	Lê Thị Hồng	23/10/1990	Nữ	2	Đồng Mai	Sử			71	71.0	Trúng tuyển	
327	19	HG0925	Lại Ngọc Hà	21/02/1995	Nữ	2	Biên Giang	Sinh			80	80.0	Trúng tuyển	
328	19	HG0927	Nguyễn Quốc An	23/11/1996	Nam	2	Đồng Mai	Sinh			84	84.0	Trúng tuyển	
329	19	HG0928	Dương Thị Hậu	07/07/1989	Nữ	2	Dương Nội	Sinh			75	75.0	Trúng tuyển	
330	19	HG0929	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/1990	Nữ	2	Dương Nội	Sinh			67	67.0	Trúng tuyển	
331	19	HG0930	Nguyễn Thị Ánh	28/08/1991	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Sinh			84	84.0	Trúng tuyển	
332	19	HG0931	Bùi Thị Thu Hiền	03/08/1996	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Sinh			72	72.0	Trúng tuyển	
333	19	HG0934	Phạm Phương Dung	28/11/1995	Nữ	2	Nguyễn Trãi	Sinh			77	77.0	Trúng tuyển	

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Điện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
334	19	HG0939	Phương Thị	Hà	06/02/1985	Nữ	2	Phú La	Sinh	DTTS	5.0	62	67.0	Trúng tuyển
335	19	HG0941	Đinh Thị	Ly	25/03/1994	Nữ	2	Phú Lâm	Sinh	DTTS	5.0	72	77.0	Trúng tuyển
336	19	HG0942	Nguyễn Thị Thu	Trang	08/09/1995	Nữ	2	Phú Lương	Sinh			78	78.0	Trúng tuyển
337	19	HG0944	Nguyễn Thị Kim	Anh	06/10/1994	Nữ	2	Yên Nghĩa	Sinh			81	81.0	Trúng tuyển
338	19	HG0945	Nguyễn Thị Xuân	Hòa	21/02/1994	Nữ	2	Yên Nghĩa	Sinh			70	70.0	Trúng tuyển
339	20	HG0844	Đặng Thị Thu	Trinh	12/11/1996	Nữ	2	Phú La	GDTC			72.5	72.5	Trúng tuyển
340	20	HG0846	Phạm Thị	Hằng	16/11/1992	Nữ	2	Văn Quán	GDTC			67.5	67.5	Trúng tuyển
341	20	HG0853	Trần Thị	Thùy	26/10/1991	Nữ	2	Đồng Mai	Hóa			85	85.0	Trúng tuyển
342	20	HG0857	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	09/04/1992	Nữ	2	Phú Lương	Hóa			88	88.0	Trúng tuyển
343	20	HG0870	Duy Thị	Lan	12/07/1989	Nữ	2	Biên Giang	Họa			75	75.0	Trúng tuyển
344	20	HG0871	Nguyễn Thị	Hường	01/10/1991	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Họa			72	72.0	Trúng tuyển
345	20	HG0874	Đỗ Thị	Phương	25/03/1996	Nữ	2	Nguyễn Trãi	Họa			72.5	72.5	Trúng tuyển
346	20	HG0877	Nguyễn Thị Thu	Loan	11/06/1996	Nữ	2	Trần Đăng Ninh	Họa			81	81.0	Trúng tuyển
347	20	HG0878	Cao Thị	Thu	12/11/1980	Nữ	2	Văn Khê	Họa	CTB	5.0	70	75.0	Trúng tuyển
348	20	HG0879	Đặng Thị	Hiên	15/05/1992	Nữ	2	Văn Quán	Họa			70.5	70.5	Trúng tuyển
349	20	HG0924	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/09/1996	Nữ	2	Phú Lương	Nhạc			90	90.0	Trúng tuyển
350	20	HG0954	Nguyễn Trung	Hung	02/11/1982	Nam	2	Đồng Mai	Tin			71.5	71.5	Trúng tuyển
351	21	HG0884	Ngô Thị Hương	Giang	23/10/1993	Nữ	2	Dương Nội	Lý	CTB	5.0	78.5	83.5	Trúng tuyển
352	21	HG0890	Trịnh Minh	Anh	12/08/1992	Nữ	2	Lê Quý Đôn	Lý			78.5	78.5	Trúng tuyển
353	22	HG0920	Trịnh Thị Thanh	Vân	24/08/1989	Nữ	2	Phú Lương	Lý			70	70.0	Trúng tuyển
354	22	HG0921	Nguyễn Thị	Vân	09/03/1994	Nữ	2	Phú Lương	Lý			67	67.0	Trúng tuyển

STT Phòng thi	Phòng thi số	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Cấp học	Trường đăng ký thi	Môn đăng ký thi	Diện Ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết nghiệp vụ chuyên ngành	Tổng điểm thi tuyển đã cộng điểm Ưu tiên	Kết quả	Ghi chú	
355	23	HG0957	Nguyễn Ngọc	Ánh	12/05/1995	Nữ	2	Biên Giang	Toán			93.5	93.5	Trúng tuyển	
356	23	HG0971	Trần Thị Minh	Ngọc	15/09/1995	Nữ	2	Biên Giang	Toán			90	90.0	Trúng tuyển	
357	23	HG0972	Nguyễn Bích	Ngọc	25/05/1996	Nữ	2	Biên Giang	Toán			90	90.0	Trúng tuyển	
358	24	HG0989	Đỗ Thị	Tuyết	24/07/1982	Nữ	1	An Hưng	TV			77	77.0	Trúng tuyển	
359	24	HG0990	Đỗ Thị Cẩm	Lệ	22/11/1987	Nữ	1	Đoàn Kết	TV			88	88.0	Trúng tuyển	
360	24	HG0992	Trần Thị Hải	Yến	20/03/1995	Nữ	1	Kiến Hưng	TV			69	69.0	Trúng tuyển	
361	24	HG0993	Nguyễn Thị	Hà	26/02/1986	Nữ	1	Lê Lợi	TV			73	73.0	Trúng tuyển	
362	24	HG0994	Lê Thị Anh	Chinh	26/10/1995	Nữ	1	Mậu Lương	TV			75.5	75.5	Trúng tuyển	
363	24	HG0997	Đào Thị	Luyến	11/12/1990	Nữ	1	Phú Lương II	TV			72	72.0	Trúng tuyển	
364	24	HG0998	Trần Thị	Giang	21/10/1989	Nữ	1	Văn Khê	TV			76	76.0	Trúng tuyển	
365	24	HG1000	Lê Thị Thu	Hương	28/05/1991	Nữ	2	Kiến Hưng	TV	DTTS	5.0	91	96.0	Trúng tuyển	
366	24	HG1002	Phạm Thị Thu	Hà	07/04/1996	Nữ	2	Mỗ Lao	TV			85	85.0	Trúng tuyển	
367	24	HG1004	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/01/1979	Nữ	2	Phú La	TV			79	79.0	Trúng tuyển	
368	24	HG1006	Lê Thị	Chính	17/02/1990	Nữ	2	Yên Nghĩa	TV			86	86.0	Trúng tuyển	
369	24	HG1009	Nguyễn Thị	Hường	16/10/1995	Nữ	2	Đồng Mai	VT			87	87.0	Trúng tuyển	
370	24	HG1013	Lê Thị	Phượng	14/05/1994	Nữ	2	Dương Nội	VT			86.5	86.5	Trúng tuyển	
371	24	HG1018	Nguyễn Thị	Thùy	02/12/1991	Nữ	2	Phú Lương	VT			85	85.0	Trúng tuyển	
372	24	HG1023	Nguyễn Thị	Hòa	01/10/1984	Nữ	2	Trần Đăng Ninh	VT			84.5	84.5	Trúng tuyển	

Danh sách gồm 372 người trúng tuyển./